Chuyên đề

CÁC CẤP ỦY LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

-------

I- MỤC TIẾU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ, CĂN CỨ ĐỂ LÃNH ĐẠO VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG

1- Mục tiêu

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng.

- Tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, nhận thức và hành động trong Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trước hết là trong cấp uỷ, đặc biệt là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Từng bước hoàn thiện, quan điểm, nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong tình hình mới.

- Kịp thời đánh giá đúng ưu điểm của cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên để phát huy, phát hiện, làm rõ thiếu sót, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh khi có vi phạm, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phục vụ việc tổng kết thực tiễn, nhân rộng những nhân tố mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ, bản vị, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực.

2- Quan điểm

- Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là nhiệm vụ của cấp uỷ và người đứng đầu cấp uỷ, do cấp uỷ trực tiếp tiến hành. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; phải thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

- Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát; "giám sát phải mở rộng", "kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm" để chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục.

- Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.

3- Nhiệm vụ

- Cấp uỷ các cấp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng để các cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên nắm vững và tự giác chấp hành; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong Đảng. Cấp uỷ các cấp, nhất là chi bộ cần tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm hoặc không để tái phạm, góp phần chủ động thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về các nội dung, lĩnh vực sau :

+ Lĩnh vực tư tưởng chính trị, quản lý báo chí : Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, việc thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác tư tưởng chính trị nói chung và hoạt động báo chí nói riêng.

+ Về chấp hành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng : Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chấp hành quy chế làm việc, chế độ công tác; thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; về mối quan hệ giữa cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên với quần chúng; việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

+ Lĩnh vực kinh tế - tài chính : Kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các khâu cấp và sử dụng nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước, vốn ODA, tài trợ của nước ngoài; trong xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị; quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, công sản; triển khai thực hiện các dự án trọng điểm.

+ Lĩnh vực hành chính, tư pháp : Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến giải quyết công việc của các tổ chức và cá nhân, đặc biệt là trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, tham nhũng, gây bức xúc trong dư luận.

+ Trong công tác tổ chức và cán bộ : Kiểm tra, giám sát về tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bố trí, sử dụng, khen thưởng và thực hiện chính sách cán bộ; về phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; về nội dung và chất lượng sinh hoạt của các cấp uỷ, tổ chức đảng.

+ Kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của đảng viên và nhân dân; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng gắn với vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo hướng đồng bộ, nghiêm minh, có hiệu lực, hiệu quả. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường cán bộ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng; bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định; cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của uỷ ban kiểm tra các cấp.

4- Căn cứ

*4.1- Căn cứ vào mục đích, yêu cầu của sự lãnh đạo của Đảng*

Đảng ta là Đảng cầm quyền, lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bằng hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, bằng công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát… Các tổ chức Đảng ở các cấp, các ngành không những có trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng mà còn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm cho chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được chấp hành nghiêm chỉnh, giành thắng lợi trong thực tiễn. Nghị quyết, chỉ thị của Đảng dù được xác định đúng, có sức hấp dẫn, có tính khả thi nhưng nếu cấp uỷ, tổ chức đảng thiếu lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện, nhất là không kiểm tra, giám sát hoặc kiểm tra, giám sát không đến nơi đến chốn thì kết quả thực hiện sẽ bị hạn chế, thậm chí có khi không có kết quả hoặc phạm sai lầm.

Ngay từ khi mới thành lập và trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta, Đảng ta luôn coi trọng công tác kiểm tra, giám sát và giữ gìn kỷ luật. Đảng ta luôn khẳng định, kiểm tra, giám sát và những chức năng lãnh đạo, là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Trong từng nhiệm kỳ đại hội Đảng toàn quốc, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng thời kỳ, Đảng ta đã đề ra mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát cụ thể, sát hợp và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có kết quả.

Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đến nay, Đảng ta bổ sung một chương (chương VII) quy định rõ về nhiệm vụ công tác kiểm, giám sát (nhiệm kỳ X) của các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu: “Công tác kiểm tra có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng, kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng”. ”Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy đảng, Bộ Chính trị và ban thường vụ cấp ủy, cần tự mình tiến hành kiểm ta và sử dụng các ban để tổ chức thường xuyên việc kiểm tra”.

Đến đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X chỉ rõ: "Công tác kiểm tra trong Đảng còn yếu, chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Công tác giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng, Nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới".

Để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", Đảng ta yêu cầu phải đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới. Đồng thời, giao thêm chức năng giám sát cho cấp uỷ đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp, coi kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ của cấp uỷ, gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới phát hiện được các vấn đề mới, khắc phục được thiếu sót, khuyết điểm ngay từ lúc mới manh nha. Đổi mới phương pháp kiểm tra và bổ sung chức năng giám sát cho uỷ ban kiểm tra đảng các cấp. Kiện toàn hệ thống uỷ ban kiểm tra các cấp; kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có chất lượng, cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của uỷ ban kiểm tra các cấp. Hoàn thiện quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của tập thể đối với cá nhân, của tổ chức đối với tổ chức, của cá nhân đối với cá nhân và tổ chức, kể cả đối với người lãnh đạo chủ chốt và tổ chức cấp trên.

*4.2- Căn cứ vào các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước*

Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp phải nắm vững những vấn đề cơ bản trong lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã được qui định trong các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của cấp uỷ cấp trên và của cấp mình để đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có kết quả công tác kiểm tra, giám sát trong từng thời gian.

Điều lệ Đảng quy định "Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật". Pháp luật là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội có tính bắt buộc, thể hiện ý chí của chế độ chính trị. Trong Nhà nước ta, pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xác lập và bảo vệ các quyền của nhân dân, là công cụ sắc bén và có hiệu quả của nhân dân trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Vì vậy, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, ngoài việc phải nắm vững Cương lĩnh chính trị, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng còn phải nắm vững các quy định của pháp luật để việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng bảo đảm đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

*4.3- Căn cứ tình hình thực tiễn của công tác xây dựng Đảng của toàn Đảng và của từng địa phương đơn vị trong từng thời gian*

Công tác kiểm tra của Đảng phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng từng thời kỳ của toàn Đảng và của từng địa phương, đơn vị trong từng thời gian; phải lấy việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và công tác ấy làm mục tiêu, phương hướng, nội dung của kiểm tra, giám sát. Sự lãnh đạo của Đảng, trước hết là của cấp ủy các cấp là nhân tố quyết định việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt. Phải nắm vững yêu cầu, mục tiêu công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng không có mục tiêu nào khác hơn là bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đi lệch vấn đề có tính nguyên tắc này, công tác kiểm tra, giám sát sẽ mất phương hướng, chệch mục tiêu, không mang lại hiệu quả. Trong điều kiện hiện nay, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải nhằm mục tiêu góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là sự nghiệp rất to lớn, phức tạp trong giai đoạn cách mạng hiện nay do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo.

Trong điều kiện cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa và hội nhập với bên ngoài, cán bộ, đảng viên hàng ngày, hàng giờ chịu sự tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp, kể cả những hành động chống phá Đảng, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đang đứng trước thách thức mới; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, với những biểu hiện khác nhau về phai nhạt lý tưởng, cơ hội thực dụng, chạy theo danh lơi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tuỳ tiện, vô nguyên tắc. Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn nhiều bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu... Công tác tổ chức và cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Muốn vậy, bên cạnh việc phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo thì phải đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, đặc biệt là kiểm tra, giám sát việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, qui định của Đảng.

5- Những điều kiện đảm bảo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- *Thứ nhất*, nhận thức và bản lĩnh chính trị của các cấp ủy nhất là các đồng chí bí thư, thường trực cấp ủy trong việc quán triệt và thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát. Những nơi cấp ủy quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, coi trọng và thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy cấp dưới và ủy ban kiểm tra hoạt động có hiệu quả và chất lượng. Qua đó, làm chuyển biến tình hình, tạo sự đoàn kết thống nhất, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, ngăn ngừa, hạn chế xảy ra khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

- *Thứ hai*, đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên, việc lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp dưới.

Để công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của cấp ủy có hiệu quả, ngoài nỗ lực của bản thân cấp ủy, sự quan tâm lãnh đạo của ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, trong đó có vai trò của đồng chí bí thư cấp uỷ, còn rất cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên trực tiếp. Chỉ khi nào công tác kiểm tra, giám sát được cấp ủy chấp hành và thực hiện nghiêm túc, gắn liền với sự lãnh, chỉ đạo của cấp ủy, thường trực cấp ủy và thực sự chủ động, có tính chiến đấu phối hợp chặt chẽ, khẩn trương, dứt điểm, kịp thời thì mới có sức mạnh và đạt hiệu qủa cao.

- *Thứ ba*, chủ động xây dựng quy chế phối hợp, kết hợp với các ban đảng và cơ quan liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng.

Đây là yêu cầu tất yếu đảm bảo việc lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có hiệu quả. Hiện nay, còn không ít tổ chức đảng chưa xây dựng được quy chế phối hợp; một số cấp ủy tuy đã xây dựng và ban hành được quy chế phối hợp nhưng khi chỉ đạo thực hiện còn lúng túng, vướng mắc, hoặc chưa trực tiếp điều hành sự phối hợp, chưa tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm.

*Thứ tư,* các cấp ủy đảng cần xây dựng tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra, bố trí cán bộ và điều kiện làm việc nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

II- CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CẤP UỶ

Cấp uỷ đảng là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của đảng bộ từng cấp và ban thường vụ cấp uỷ là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp ban chấp hành, có nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp uỷ cấp trên, cấp mình và pháp luật của Nhà nước.

Do các cấp uỷ, tổ chức đảng có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau nên phạm vi trách nhiệm, nội dung, đối tượng, cách tiến hành kiểm tra của các cấp uỷ, tổ chức đảng cũng khác nhau.

1- Lãnh đạo công tác kiểm tra

- Căn cứ chức năng lãnh đạo, cấp uỷ đề ra nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn, chương trình kiểm tra trong phạm vi lãnh đạo. Đồng thời, triển khai, quán triệt Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

- Căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, cấp uỷ xây dựng và chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm công tác kiểm tra trong từng thời gian (1 năm, 6 tháng); phân công cấp uỷ viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cấp uỷ cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra.

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định phối hợp giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ với nhau, giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với ban cán sự đảng cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật, đảng đoàn ở Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp để làm tốt công tác kiểm tra.

- Nghe các tổ chức đảng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; có biện pháp theo dõi thường xuyên kết quả hoạt động công tác kiểm tra của các tổ chức đảng, nhất là những nội dung quan trọng. Giải quyết kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra.

- Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra, về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra uỷ ban kiểm tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trong việc thực hiện nhiệm vụ cấp uỷ giao.

- Nghe các tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra báo cáo những vấn đề cần giải quyết về công tác kiểm tra, kỷ luật đảng và báo cáo các vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền của cấp uỷ để chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kỷ luật đảng.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác kiểm tra của Đảng.

2- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

Ngoài việc cấp uỷ và từng cấp uỷ viên phải có chương trình, kế hoạch thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng thuộc lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách để có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát với thực tế, các cấp uỷ phải xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian. Trong đó, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng để kiểm tra hoặc phân công cụ thể cho từng cấp uỷ viên và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp mình tiến hành kiểm tra, rút ra những vấn đề cần thiết cho việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng.

*a- Nội dung kiểm tra*

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình; pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

- Việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo của đảng viên và nhân dân.

- Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân các cấp.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế của đảng bộ trong từng thời gian mà cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xác định và quyết định nội dung kiểm tra cho phù hợp.

*b- Đối tượng kiểm tra*

Kiểm tra mọi tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp mình quản lý, nhất là cán bộ giữ các cương vị chủ chốt hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng; các tổ chức đảng ở địa bàn trọng điểm, trọng yếu, dễ phát sinh vi phạm. Khi cần, mới kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp.

*c- Cách tiến hành*

- Căn cứ nghị quyết, phương hướng, nhiệm vụ công tác kiểm tra của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ giao uỷ ban kiểm tra giúp cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra trong từng thời gian (1 năm, 6 tháng…). Trong đó, xác định rõ nội dung, đối tượng, hình thức, phương pháp, thời gian, thời điểm kiểm tra, tổ chức lực lượng kiểm tra...).

- Trực tiếp tiến hành kiểm tra ở một số lĩnh vực quan trọng, địa bàn trọng điểm; huy động lực lượng các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn của các ngành có liên quan tham gia (lập tổ hoặc đoàn kiểm tra). Phân công cấp uỷ viên phụ trách chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và báo cáo cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ xem xét, kết luận về kết quả kiểm tra.

- Giao các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp chủ trì thực hiện một số cuộc kiểm tra theo chức trách, nhiệm vụ của tổ chức đảng đó, báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xem xét, kết luận.

- Các thành viên của cấp uỷ xây dựng kế hoạch kiểm tra về các nội dung thuộc nhiệm vụ được cấp uỷ phân công phụ trách, đề xuất kiểm tra chuyên sâu một số vấn đề đối với các tổ chức đảng cấp dưới.

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trực tiếp kết luận các cuộc kiểm tra do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ chủ trì.

Qua kiểm tra, cấp uỷ, ban thường vụ cấp ủy nhận xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; phát hiện những nhân tố mới, biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành tốt; phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; phê bình tổ chức đảng và đảng viên có thiếu sót, khuyết điểm; kịp thời xem xét, thi hành kỷ luật hoặc đề nghị thi hành kỷ luật theo thẩm quyền những trường hợp vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật; những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật có thẩm quyền xem xét, xử lý.

III- CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY, BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY TỪ CẤP TRÊN CƠ SỞ TRỞ LÊN

Cấp uỷ có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong toàn đảng bộ giữa hai kỳ đại hội. Vì vậy, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên cũng có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp mình.

1- Lãnh đạo công tác giám sát

- Triển khai, quán triệt Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình về công tác giám sát.

- Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thuộc phạm vi quản lý xây dựng phương hướng nhiệm vụ công tác giám sát; phân công cấp uỷ viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Chỉ đạo, đôn đốc cấp uỷ cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát.

- Ban hành văn bản (nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế,..) theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ giám sát và để các đoàn thể chính trị - xã hội, nhân dân tham gia giám sát tổ chức đảng và đảng viên.

- Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định về sự phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các tổ chức đảng để thực hiện công tác giám sát (như quy chế phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các tổ chức đảng có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ giám sát; quy chế về chế độ giám sát công tác cán bộ,...).

- Nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy chế làm việc; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của cấp mình hoặc theo chỉ đạo của của tổ chức đảng cấp trên.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, hoạt động của uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra, về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành văn bản về công tác giám sát cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời gian.

2- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát

Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp mình. Xác định nội dung, đối tượng, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công cụ thể cho từng cấp uỷ viên và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp mình thực hiện nhiệm vụ giám sát.

Để việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát bảo đảm sát hợp, có tính khả thi, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ phải căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác giám sát của cấp uỷ cấp trên, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế của đảng bộ trong từng thời gian.

*a- Nội dung giám sát*

- Đối với tổ chức đảng:

+ Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước.

+ Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng và việc bảo đảm quyền của đảng viên.

+ Việc giữ gìn đoàn kết nội bộ, quản lý đảng viên, chỉ đạo thực hiện quy định về những điều cán bộ, đảng viên không được làm và giữ mối liên hệ với quần chúng.

- Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

*b- Đối tượng giám sát*

Tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý, cụ thể:

- Cấp ủy giám sát: Ban thường vụ, thường trực cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên, uỷ ban kiểm tra cùng cấp; cấp uỷ viên cùng cấp.

- Ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát: Thường trực cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cấp uỷ; ủy viên ban thường vụ cấp ủy, cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý.

*c- Phương pháp giám sát:*

- Giám sát trực tiếp

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp uỷ các cấp, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát trực tiếp bằng cách :

+ Thực hiện đối thoại tại các kỳ hội nghị của cấp uỷ.

+ Nghe tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo.

+ Qua sinh hoạt kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ các cấp.

+ Cử thành viên cấp mình dự các cuộc họp, hội nghị của đối tượng giám sát.

+ Các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

- Giám sát gián tiếp bằng cách

+ Xem xét báo cáo hoạt động của tổ chức đảng cấp dưới giữa hai kỳ hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng.

+ Nghiên cứu các văn bản, báo cáo; thông báo kết luận về các cuộc kiểm tra, giám sát; kết quả tự phê bình và phê bình, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

+ Ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội; phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Xem xét đơn tố cáo của đảng viên và quần chúng; khiếu nại của tổ chức, cá nhân đối với tổ chức đảng, đảng viên.

*d- Hình thức giám sát:*

- Giám sát thường xuyên

+ Thông báo cho đối tượng giám sát biết về thành viên của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ hoặc cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ giám sát.

+ Thực hiện giám sát thường xuyên bằng phương pháp giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

- Giám sát theo chuyên đề

+ Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm và thông báo cho đối tượng giám sát.

+ Thành lập đoàn (tổ) giám sát (gọi chung là đoàn giám sát); xây dựng kế hoạch giám sát cụ thể đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên.

+ Có văn bản yêu cầu đối tượng giám sát viết báo cáo và cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

+ Đoàn giám sát nghiên cứu báo cáo, tài liệu; làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan; chuẩn bị dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

+ Chủ thể giám sát yêu cầu tổ chức đảng được giám sát hoặc tổ chức đảng có đảng viên được giám sát tổ chức hội nghị để đối tượng giám sát báo cáo; đoàn giám sát trình bày dự thảo báo cáo kết quả giám sát; hội nghị thảo luận.

+ Thông báo kết quả giám sát bằng văn bản đến tổ chức đảng, đảng viên được giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Theo dõi, đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát.

IV. THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

1- Ý nghĩa, tác dụng

- Tăng cường kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên để nâng cao tính đảng, tính giai cấp, giữ vững kỷ cương của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo và xây dựng Đảng, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Tăng cường kỷ luật không có nghĩa là phải thi hành kỷ luật cho nhiều, cho nặng mà chủ yếu là phải thường xuyên giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm để các tổ chức đảng và đảng viên nghiêm túc và tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng. Nhưng nếu tổ chức đảng và đảng viên vi phạm tới mức phải thi hành kỷ luật thì cần phải thi hành kỷ luật để giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, giáo dục tổ chức đảng và đảng viên.

**Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“Sửa chữa sai lầm cố nhiên cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hoá, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng”[[1]](#footnote-2).***

- Thi hành kỷ luật trong Đảng là công việc quan trọng và cần thiết, nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, giáo dục tổ chức đảng và đảng viên. Việc thi hành kỷ luật phải bảo đảm đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục mà Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng đã xác định. Cần đấu tranh chống các khuynh hướng không công bằng, buông lỏng hoặc khắt khe và các khuynh hướng sai lầm khác trong việc thi hành kỷ luật của Đảng.

2- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật đảng

**Cấp uỷ các cấp phải thường xuyên lãnh đạo các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành, giữ gìn kỷ luật và thực hiện thi hành kỷ luật trong Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.**

*2.1- Thường xuyên quán triệt trong toàn đảng bộ về mục đích, ý nghĩa, vai trò, vị trí của kỷ luật đảng và việc thi hành kỷ luật trong Đảng*

**Kỷ luật của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng, bảo đảm cho sự tồn tại, hoạt động và phát triển của Đảng. Tăng cường kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên để nâng cao tính đảng, tính giai cấp, giữ vững kỷ cương của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo và xây dựng Đảng. Việc thi hành kỷ luật phải góp phần nâng cao giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm để các tổ chức đảng và đảng viên nghiêm túc và tự giác chấp hành kỷ luật Đảng. Nhưng nếu tổ chức đảng và đảng viên vi phạm tới mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật để giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cương sức chiến đấu của Đảng, giáo dục tổ chức Đảng và đảng viên.**

**Cấp uỷ các cấp phải quan tâm và thường xuyên tổ chức nghiên cứu, quán triệt các quy định của Đảng cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý để nắm vững, thực hiện đúng và chấp hành nghiêp chỉnh khi được kiểm tra, giám sát, bị thi hành kỷ luật.**

*2.2. Xác định đúng và quán triệt cho các tổ chức đảng, đảng viên về phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật trong Đảng.*

***a- Phương hướng thi hành kỷ luật:***

- Trong mỗi giai đoạn cách mạng, do nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng có yêu cầu, nội dung cụ thể khác nhau; do tư tưởng và hành động, ưu điểm và khuyết điểm của các tổ chức đảng và đảng viên có những diễn biến khác nhau, nên yêu cầu, nội dung về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, về trách nhiệm, về tổ chức, kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên cũng có những điểm khác nhau. Vì vậy, phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng từng thời kỳ mà xác định phương hướng thi hành kỷ luật cho sát, đúng.

- Trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập với bên ngoài, quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển của khoa học - công nghệ, cán bộ, đảng viên hàng ngày, hàng giờ chịu tác động của nhiều nhân tố rất phức tạp. Trước yêu cầu thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng xác định: *“Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vi phạm về vấn đề quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng”[[2]](#footnote-3)*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định: *"Khai trừ những đảng viên thoái hóa về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cố tình vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước"[[3]](#footnote-4).* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục khẳng định: *"Xử lý đúng pháp luật, kịp thời, công khai cán bộ tham nhũng, tịch thu, sung công tài sản tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng"[[4]](#footnote-5). "Xử lý nghiêm mọi cán bộ, đảng viên vi phạm về trách nhiệm, phẩm chất, đạo đức, lối sống"[[5]](#footnote-6).*

- Phương hướng thi hành kỷ luật trong Đảng trong giai đoạn hiện nay gắn chặt với nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đã được xác định rõ trong Điểm 3, Mục I Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng (Nghị quyết số 14-QĐ/TW, ngày 30-7-2007) đã được nêu tại Điểm 3, Mục II của bài "Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng". Đảng viên ở bất kỳ cương vị nào nếu vi phạm một trong những nội dung đó đều phải xử lý nghiêm minh. Đối với những vi phạm khác đến mức phải xử lý kỷ luật cũng phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để răn đe, hạn chế và phòng ngừa vi phạm.

***b-Phương châm thi hành kỷ luật:***

Phương châm thi hành kỷ luật của Đảng thể hiện rõ quan điểm, chính sách xử lý của Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Điều 35 Điều lệ Đảng quy định: *“Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời”.*

## - Công minh, chính xác:

+ Khi thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ mà xem xét, quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp theo thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước các quyết định đó.

+ Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh, không có ngoại lệ.

+ Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan pháp luật giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải bồi hoàn.

+ Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng mới bị phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đó xem xét, xử lý. Việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm được tiến hành ở các tổ chức đảng nơi đảng viên đó hiện đang sinh hoạt.

+ Khi xem xét, xử lý, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh của tổ chức đảng để bảo đảm kết luận khách quan, đầy đủ, chính xác. Cần làm rõ nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm của đảng viên do trình độ, năng lực hoặc động cơ vì lợi ích chung hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã qua giáo dục, ngăn chặn vẫn làm trái; không tự giác nhận lỗi, không bồi hoàn vật chất hoặc có hành vi đối phó với việc kiểm tra; phân biệt đảng viên khởi xướng, tổ chức, quyết định với đảng viên bị lôi kéo, đồng tình làm sai.

+ Đảng viên là người dân tộc thiểu số, công tác, sinh hoạt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Nhà nước), đảng viên theo tôn giáo vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì căn cứ tình hình thực tế vận dụng xử lý cho phù hợp.

+ Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại. Cấp uỷ quản lý đảng viên sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng phải chỉ đạo các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính hoặc đoàn thể được kịp thời. Trường hợp không thuộc thẩm quyền phải kiến nghị với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Khi các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên, phải chủ động thông báo cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật, tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, về đoàn thể.

Đảng viên bị cách chức vụ về Đảng thì cấp ủy quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày đảng viên bị cách chức, phải xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

+ Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu nếu có vi phạm khi đang công tác, nay mới phát hiện thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức; nếu có vi phạm kỷ luật khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

+ Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức, bị ốm đang điều trị nội trú tại bệnh viện được cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Trường hợp đảng viên đã qua đời, tổ chức đảng xem xét, kết luận, không xử lý kỷ luật. Trường hợp đảng viên vi phạm đặc biệt nghiêm trọng mà đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn xem xét, kết luận, xử lý.

+ Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

+ Việc xử lý kỷ luật phải đúng người vi phạm. Phải khắc phục tình trạng ô dù, bao che lẫn nhau làm cho việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước không nghiêm; khắc phục tình trạng “nhẹ trên, nặng dưới”, để các hiện tượng tiêu cực phát triển, gây thắc mắc, bất bình trong Đảng và trong nhân dân.

- Kịp thời:

+ Là việc xem xét, thi hành kỷ luật phải khẩn trương, đúng lúc, không để chậm trễ, kéo dài, gây thêm khó khăn cho việc thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý, làm giảm tác dụng giáo dục và không đáp ứng yêu cầu phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Sau khi tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật thì phải công bố ngay quyết định ấy cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, không được trì hoãn với bất cứ lý do gì.

+ Để chủ động phòng ngừa đảng viên vi phạm và việc thi hành kỷ luật được kịp thời, các tổ chức đảng, đặc biệt là chi bộ phải thường xuyên nắm chắc tình hình đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước; khi phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì kịp thời xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật ngay, nếu có vi phạm đến mức phải xử lý.

*2.3. Cấp uỷ cấp trên phải thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới việc thực hiện các quy định của Trung ương và của cấp uỷ về kỷ luật và việc thi hành kỷ luật trong Đảng*

*- Việc kiểm tra, giám sát tập trung vào những nội dung chính sau đây:*

*+ Việc cấp uỷ cấp dưới lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, vận dụng quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào tình hình cụ thể ở địa phương, đơn vị mình, nhất là việc xác định phương hướng thi hành kỷ luật, các quy định cụ thể về chính sách thi hành kỷ luật trong từng thời kỳ.*

*+ Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Trung ương, của cấp uỷ cấp trên và của cấp mình về việc giữ gìn kỷ luật và việc thi hành kỷ luật.*

- Cấp ủy định kỳ, thường xuyên lãnh đạo sơ kết, tổng kết việc chấp hành kỷ luật, nhiệm vụ thi hành kỷ luật, rút ra bài học và chủ động tham mưu cho cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên về công tác thi hành kỷ luật.

- Qua kiểm tra, giám sát, cấp uỷ phải kịp thời phát huy ưu điểm, biểu dương nơi làm tốt; uốn nắn, chấn chỉnh những nơi làm chưa tốt; yêu cầu sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm (nếu có).

**3- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật**

*3.1- Các hình thức kỷ luật*

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Phê bình sâu sắc; nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm; xoá tên trong danh sách đảng viên; chấp nhận đơn xin ra khỏi Đảng; cho thôi giữ chức, miễn nhiệm... không phải là hình thức kỷ luật đối với đảng viên. Giải thể không phải là hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng.

***3.2- Nội dung thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật của các cấp ủy***

Thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật trong Đảng luôn xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng thời kỳ cách mạng. Trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩavà xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ mới, trước hết là yêu cầu thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đòi hỏi phải đổi mới nội dung và hình thức kỷ luật trong Đảng để việc thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật của các cấp ủy đúng quy định, đạt mục đích, yêu cầu, ngăn ngừa sai phạm, tăng cường kỷ cương, kỷ luật đảng, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

#### Nội dung thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật của các cấp uỷ bao gồm:

#### - Xem xét, thi hành kỷ luật các trường hợp tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm qua kiểm tra chấp hành.

- Xem xét, thi hành kỷ luật các trường hợp tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm qua kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; khiếu nại kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính đảng.

- Xem xét, thi hành kỷ luật các trường hợp qua nắm tình hình, qua kiểm tra việc thi hành kỷ luật của cấp ủy hoặc uỷ ban kiểm tra cấp dưới thực hiện không đúng, sai quy định, phải rút lên xem xét lại; những trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp dưới nhưng khi bỏ phiếu kỷ luật không có trường hợp nào đủ số phiếu theo quy định; những trường hợp cấp uỷ cấp dưới hoặc ủy ban kiểm tra cùng cấp đề nghị thi hành kỷ luật theo thẩm quyền.

- Chủ trì phối hợp với các tổ chức liên quan trong đánh giá, xem xét vi phạm, kết luận kiểm tra; xem xét, thi hành kỷ luật hoặc đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật theo thẩm quyền xử lý đồng bộ kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể.

- Định kỳ cấp ủy xem xét, đánh giá việc sửa chữa của tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đã bị thi hành kỷ luật, để thống nhất đánh giá, bố trí, sử dụng, tránh định kiến hẹp hòi hoặc buông trôi, không đảm bảo đúng mục đích trong việc thi hành kỷ luật của Đảng.

*3.3- Phương pháp tiến hành xem xét, thi hành kỷ luật đảng*

- Khi xem xét, thi hành kỷ luật các trường hợp tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm qua kiểm tra chấp hành.

Các tổ chức đảng, khi kiểm tra chấp hành, nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo cấp uỷ chỉ đạo thẩm tra, xác minh làm rõ có hay không có vi phạm; nếu có vi phạm thì làm rõ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm để có hình thức xử lý đúng mức.

- Khi xem xét, thi hành kỷ luật các trường hợp tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm qua kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; khiếu nại kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính đảng.

Qua kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, kiểm tra tài chính đảng, nếu tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải tiến hành các thủ tục xem xét, thi hành kỷ luật ngay trong quá trình kiểm tra hoặc giải quyết tố cáo, khiếu nại (bước kết thúc); không chờ tiến hành xong các cuộc kiểm tra hoặc giải quyết tố cáo, khiếu nại rồi mới tiến hành quy trình xem xét, thi hành kỷ luật để tránh phải làm đi làm lại, tốn thêm thời gian, công sức, gây phiền hà cho tổ chức đảng và đảng viên.

- Trường hợp qua nắm tình hình hoặc qua kiểm tra việc thi hành kỷ luật của cấp ủy hoặc uỷ ban kiểm tra cấp dưới thực hiện không đúng, sai quy định, phải rút lên xem xét lại.

Qua hoạt động công tác kiểm tra, giám sát, nắm tình hình của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên, nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên có vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới xem xét lại việc thi hành kỷ luật, hoặc chủ động rút hồ sơ xem xét lại việc thi hành kỷ luật của cấp dưới.

- Trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp dưới nhưng khi bỏ phiếu kỷ luật không có trường hợp nào đủ số phiếu theo quy định:

Uỷ ban kiểm tra chỉ đạo cán bộ kiểm tra tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc, giúp uỷ ban kết luận và xử lý thoả đáng, không đơn thuần chỉ căn cứ vào kết luận kiểm tra của tổ chức đảng cấp dưới.

*3.4- Nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật đảng*

Nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật là những quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bắt buộc mọi tổ chức đảng và đảng viên phải tuân thủ, nhằm bảo đảm việc thi hành kỷ luật được chặt chẽ, thống nhất.

*a- Về nguyên tắc:*

- Chỉ có các tổ chức đảng do Điều lệ Đảng quy định và Ban Chấp hành Trung ương uỷ quyền mới có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên.

- Chỉ có cấp uỷ đảng từ đảng uỷ cơ sở trở lên mới có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng cấp dưới.

- Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

- Việc biểu quyết đề nghị kỷ luật hoặc biểu quyết quyết định kỷ luật phải bằng phiếu kín.

- Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

+ Ở chi bộ, quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày, chi uỷ làm văn bản để báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Văn bản của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ cơ sở) được đóng dấu của đảng uỷ cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng uỷ cơ sở hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp không phải ra quyết định chuẩn y.

+ Việc công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải có đại diện tổ chức đảng ra quyết định (hoặc được uỷ quyền công bố quyết định), đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên bị kỷ luật, đại diện tổ chức đảng bị kỷ luật, đảng viên bị kỷ luật và phải lập biên bản lưu hồ sơ. Trường hợp đảng viên bị kỷ luật từ chối nghe công bố hoặc không nhận quyết định kỷ luật thì ghi vào biên bản, quyết định kỷ luật vẫn được công bố và có hiệu lực thi hành ngay.

- Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật (kể cả quyết định giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng) của tổ chức đảng có thẩm quyền. Nếu không đồng ý thì có quyền khiếu nại, nhưng khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết thì tổ chức đảng và đảng viên vẫn phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật đã công bố.

- Đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định.

- Tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên khi phát hiện đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

- Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên, khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên hoặc thành viên của tổ chức đảng đó có quyền biểu quyết (ở chi bộ là tổng số đảng viên chính thức, trừ số đảng viên được miễn sinh hoạt không có mặt tại cuộc họp; ở cấp uỷ là tổng số cấp ủy viên), không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp.

- Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng, khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị (ở chi bộ là 2/3 tổng số đảng viên chính thức, trừ số đảng viên được miễn sinh hoạt đảng không có mặt tại cuộc họp; ở cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra là 2/3 tổng số cấp uỷ viên hoặc uỷ viên uỷ ban kiểm tra) và do tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên của tổ chức đảng đó.

- Đề nghị của tổ chức đảng cấp dưới về kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên, giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

- Đảng viên bị kỷ luật cách chức, bao gồm cả chức vụ do đại hội bầu, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra bầu, do chỉ định hoặc bổ nhiệm, trong vòng một năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp uỷ (từ chi uỷ trở lên), không được chỉ định, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

Sau một năm, kể từ ngày có quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ), nếu đảng viên không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

- Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

+ Khi cơ quan có thẩm quyền bắt, khám xét khẩn cấp đối với công dân là đảng viên thì tổ chức đảng hoặc đảng viên là thủ trưởng của cơ quan đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên đó biết.

+ Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận rõ đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý thì chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết chờ kết luận hoặc tuyên án của toà án có thẩm quyền, không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

+ Trường hợp bị tòa án có thẩm quyền tuyên phạt từ hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ bản án của tòa án để quyết định khai trừ (đối với đảng viên chính thức) hoặc xóa tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị) không phải theo quy trình thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ đảng viên thông báo bằng văn bản cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt và các tổ chức đảng nơi đảng viên đó là thành viên.

+ Đảng viên bị tòa án có thẩm quyền tuyên phạt hình phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp ủy, ủy ban kiểm tra phải quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng và căn cứ bản án của tòa án, nội dung, tính chất, mức độ vi phạm để quyết định xử lý kỷ luật theo đúng quy trình.

+ Trường hợp đảng viên bị xử oan, sai đã được toà án có thẩm quyền huỷ bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan pháp luật đình chỉ vụ án thì các tổ chức đảng có thẩm quyền phải khẩn trương xem xét kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

- Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo (kể cả vi phạm vào thời gian cuối của thời kỳ dự bị). Khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên, không kỷ luật khai trừ.

- Các trường hợp phải đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng để tiến hành xem xét kỷ luật đảng.

+ Đảng viên (kể cả cấp uỷ viên) có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng.

+ Cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ. Cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

+ Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

*b- Về thủ tục:*

- Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

- Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên quyết định.

- Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm vì một lý do nào đó mà không trực tiếp trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đảng đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

- Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

- Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

- Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

- Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ nhưng lại xin ra Đảng thì vẫn phải kỷ luật khai trừ, không chấp nhận việc xin ra Đảng.

- Trường hợp cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức nhưng lại xin rút khỏi cấp uỷ hoặc thôi giữ chức thì vẫn phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, không chấp nhận việc xin rút khỏi cấp uỷ, không để thôi giữ chức.

- Về thủ tục ra quyết định khi kỷ luật cấp uỷ viên cùng cấp:

+ Đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp, sau khi cấp ủy biểu quyết đủ đa số phiếu theo quy định (trên một nửa) thì ra quyết định và đồng chí bí thư hoặc phó bí thư thường trực thay mặt cấp uỷ ký quyết định đó.

+ Đối với các hình thức cách chức, khai trừ cấp uỷ viên cùng cấp, sau khi cấp ủy biểu quyết đủ số phiếu quy định thì đề nghị ủy ban kiểm tra cấp trên báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Ở cấp tỉnh, thành và đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo để Uỷ ban Kiểm tra Trung ương báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

------------------

**Nội dung ôn tập:**

1. Phân tích các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng?

2- Trình bày các căn cứ và điều kiện để cấp ủy lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng ?

3- Trình bày, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật? Liên hệ với tổ chức đảng ở cơ quan, địa phương đồng chí ?

4- Làm gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của các cấp uỷ, tổ chức đảng ?

Chuyên đề

KIỂM TRA TỔ CHỨC ĐẢNG CẤP DƯỚI VÀ ĐẢNG VIÊN

KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM;

GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

------

A- KIỂM TRA TỔ CHỨC ĐẢNG CẤP DƯỚI VÀ ĐẢNG VIÊN KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM

Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của uỷ ban kiểm tra các cấp được quy định tại Điều 32 Điều lệ Đảng. Vì vậy, nghiên cứu, quán triệt để thực hiện tốt nhiệm vụ này có vị trí rất quan trọng đối với uỷ ban kiểm tra, cán bộ kiểm tra các cấp và đảng viên trong tình hình hiện nay.

I- Một số khái niệm

1- Dấu hiệu vi phạm, khi có dấu hiệu vi phạm

a- Theo Từ điển Tiếng Việt: "Vi phạm" là "Không tuân theo hoặc làm trái những điều đã quy định". "Dấu hiệu" là "Hiện tượng tỏ rõ điều gì" đó. Dấu hiệu vi phạm là những hiện tượng cho thấy có sự không tuân theo, không làm hoặc làm trái một hoặc một số điều quy định.

Vi phạm và dấu hiệu vi phạm thuộc cặp phạm trù bản chất và hiện tượng. Trong đó, vi phạm là bản chất; dấu hiệu vi phạm là hiện tượng bên ngoài để nhận biết. Hiện tượng phản ảnh bản chất, nên có thể phản ánh đúng bản chất của sự vật. Song, trong quá trình phản ánh, dưới tác động của nhiều yếu tố, việc phản ánh có thể bị xuyên tạc, nên không phản ánh đúng bản chất của sự vật. Vì vậy, dấu hiệu vi phạm có thể có vi phạm mà cũng có thể không có vi phạm.

b- "Khi có" là chỉ tính thời điểm (vừa mới) dấu hiệu vi phạm đã bộc lộ hay đã quan sát và nhận biết được.

Khi có dấu hiệu vi phạm là khi có biểu hiện việc không tuân theo hoặc làm trái những điều đã quy định mà đã phát hiện và nhận biết được.

c- Khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên là khi có những thông tin, tài liệu thu thập được đối chiếu với các quy định của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội mà đảng viên tham gia, với pháp luật của Nhà nước có căn cứ cho thấy tổ chức đảng hoặc đảng viên đó không tuân theo, không làm hoặc làm trái một hoặc một số những điều quy định của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm

- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm là việc tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi tổ chức đảng có biểu hiện không tuân theo, không làm hoặc làm trái quy định để xem xét, đánh giá, kết luận có hay không có vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là việc tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi đảng viên có biểu hiện không tuân theo, không làm hoặc làm trái quy định để xem xét, đánh giá, kết luận có hay không vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Khi chưa được cấp có thẩm quyền kiểm tra, kết luận thì các hành vi có biểu hiện sai trái của tổ chức đảng, đảng viên chỉ được xem là "có dấu hiệu vi phạm". Thực tế vừa qua, các trường hợp đã kiểm tra, vi phạm đã xảy ra, có vụ đã xảy ra từ lâu. Bởi vậy, vấn đề đặt ra cho uỷ ban kiểm tra các cấp là phải chủ động, kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm, khi đã phát hiện dấu hiệu vi phạm thì phải tiến hành kiểm tra; nếu đã để xảy ra vi phạm mới tiến hành kiểm tra thì không bảo đảm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của đảng viên.

- Sự khác nhau giữa tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm và kiểm tra chấp hành:

Kiểm tra chấp hành, kiểm tra phân tích chất lượng tổ chức đảng, tự phê bình và phê bình là tiến hành thường xuyên hoặc theo định kỳ.

Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm là kiểm tra khi đã phát hiện có dấu hiệu vi phạm, do đó nội dung kiểm tra hẹp hơn, yêu cầu kiểm tra sâu hơn; sau khi kiểm tra kết luận có vi phạm hay không có vi phạm, vi phạm đến mức phải xử lý hay không đến mức phải xử lý.

II- Vị trí, vai trò, tác dụng kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vị phạm

1- Quy định của Đảng về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm

a- Kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm:

- Ngày 06-3-1956, Bộ Chính trị có Nghị quyết 04, trong đó có xác định về nhiệm vụ và quyền hạn Ban Kiểm tra Trung ương là: *"Thường xuyên kiểm tra các đảng bộ, các cơ quan trực thuộc Trung ương Đảng, các cơ quan chính quyền, trong các đoàn thể nhân dân và các cấp bộ đảng ở địa phương về những việc mà cấp uỷ đảng và đảng viên thuộc những tổ chức đó chống lại hoặc làm sai Điều lệ và kỷ luật của Đảng"*.

- Điều lệ Đảng từ Đại hội III đến Đaị hội V của Đảng chỉ quy định kiểm tra đảng viên làm trái hoặc vi phạm, không quy định kiểm tra tổ chức đảng có vi phạm hoặc làm trái.

- Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, xuất phát từ yêu cầu của tình hình xây dựng và phát triển của Đảng trong thời kỳ đổi mới; trước tác động tiêu cực của tình trạng vi phạm trong Đảng ngày càng gia tăng, với tính chất ngày càng nghiêm trọng, đã quy định uỷ ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ: *"Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng"*.

Từ đây, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm là một nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp và thường xuyên của các cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp.

Thực tiễn việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra từ nhiệm kỳ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đến nay cũng đã khẳng định, việc quy định và giao nhiệm vụ cho uỷ ban kiểm tra các cấp kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm là phù hợp với yêu cầu của công tác xây dựng và sự phát triển của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

b- Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm:

- Ngày 16-10-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Ban kiểm tra Trung ương, tuy chưa nêu cụ thể về kiểm tra đảng viên, nhưng có nhiệm vụ điều tra và báo cáo cho Trung ương những việc như: Đường lối chỉ đạo của Trung ương có đúng và sát không? việc thi hành nghị quyết, chỉ thị của Trung ương trong toàn Đảng như thế nào? những việc bất thường xảy ra ở các cấp, các ngành; tình hình cán bộ ở các cấp thế nào?

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng quy định: Nhiệm vụ Ban Kiểm tra *"Xem xét tư cách và cách làm việc của các đảng viên, chống nạn quan liêu, hủ hoá, lạm dụng chức vụ...".*

- Đại hội III của Đảng quy định (từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng trở đi tên ban kiểm tra được gọi là uỷ ban kiểm tra): Nhiệm vụ uỷ ban kiểm tra *“Kiểm tra những vụ đảng viên làm trái Điều lệ, kỷ luật của Đảng, trái với đạo đức cách mạng và pháp luật của Nhà nước...".*

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng quy định: *"Kiểm tra những vụ đảng viên (kể cả cấp uỷ viên) vi phạm Điều lệ Đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước..."*.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng quy định: *"Kiểm tra những vụ đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp) vi phạm Điều lệ Đảng, nhằm vào những vụ vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên..."*.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng quy định: *"Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp) chấp hành Điều lệ Đảng, nhằm vào việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên"*.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng quy định: *"Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp) chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên"*.

- Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đến Đại hội lần thứ XI của Đảng quy định: *"Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên"*.

Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là nhiệm vụ của tổ chức đảng có thẩm quyền, trước hết là của chi bộ, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp nhằm xem xét, kết luận đảng viên có hoặc không có vi phạm; là một nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp và thường xuyên của cấp uỷ các cấp và luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của uỷ ban kiểm tra các cấp.

Như vậy, từ khi Ban Kiểm tra Trung ương (sau này là uỷ ban kiểm tra) được thành lập đến nay, đều có nhiệm vụ điều tra, xem xét hoặc kiểm tra đảng viên. Nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp về kiểm tra đảng viên luôn được Đảng ta bổ sung, sửa đổi để đáp ứng với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Từ Đại hội VIII của Đảng đến nay, Đảng ta sửa đổi nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp là kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Quy định này có ý nghĩa quan trọng và phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, khi thực hiện kiểm tra đảng viên chấp hành "dễ vào, dễ ra", không gây tâm lý nặng nề, nhưng nội dung và đối tượng kiểm tra rất rộng, trong khi lực lượng của uỷ ban kiểm tra có hạn, lại phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ do cấp uỷ giao, nên dễ làm lướt, "đóng dấu chất lượng". Kiểm tra đảng viên với số lượng lớn nhưng phát hiện có vi phạm ít, trong khi tiêu cực, vi phạm trong Đảng không ít, và có xu hướng tăng lên là không đúng thực tế, do đó, không có tác dụng phòng ngừa vi phạm, nên hiệu quả hạn chế. Ủy ban kiểm tra các cấp là cơ quan chuyên trách làm công tác kiểm tra, giám sát. Vì vậy phải tập trung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Do đó, uỷ ban kiểm tra các cấp kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là phù hợp.

2- Vị trí, vai trò, tác dụng của việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm

- Kết luận rõ đúng, sai, xác định rõ vi phạm (nếu có) của tổ chức đảng, đảng viên để xem xét, xử lý kịp thời, giữ nghiêm kỷ luật đảng; bảo đảm cho Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức của Đảng được chấp hành nghiêm chỉnh.

- Giúp cho tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra thấy được ưu điểm để phát huy, thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm (nếu có), để khắc phục, sửa chữa.

- Góp phần chủ động giáo dục, phòng ngừa, "răn đe"; ngăn chặn kịp thời, không để khuyết điểm trở thành vi phạm, hoặc vi phạm ít nghiêm trọng trở thành nghiêm trọng, vi phạm của một người trở thành vi phạm của nhiều người, của tổ chức.

- Giúp tổ chức đảng quản lý đảng viên được kiểm tra thấy rõ trách nhiệm của mình, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc quản lý, giáo dục và kiểm tra, giám sát đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

- Giúp cho công tác kiểm tra có hiệu quả cao, tiết kiệm công sức và tiền của, góp phần cải cách hành chính trong hoạt động của Đảng; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vì kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm chỉ tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm, những nơi trọng điểm, tránh kiểm tra tràn lan.

- Giúp tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội thấy được những hạn chế, bất cập trong trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của mình; những quy định không còn phù hợp hoặc còn thiếu để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng về quản lý tổ chức đảng và đảng viên, về cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của đoàn thể chính trị - xã hội được chặt chẽ, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

III- Chủ thể, đối tượng và nội dung kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm

1- Kiểm tra tổ chức đảng

a- Chủ thể kiểm tra:

Chủ thể kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm gồm: cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp.

b- Đối tượng kiểm tra:

Tổ chức đảng cấp dưới là đối tượng kiểm tra của uỷ ban kiểm tra gồm tổ chức đảng do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp lập ra và cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ cùng cấp. Trước hết là cấp dưới trực tiếp, khi cần thiết thì kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp.

Khi kiểm tra tổ chức đảng có thể kết hợp kiểm tra đảng viên là thành viên của tổ chức đảng đó.

c- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra những dấu hiệu vi phạm của các tổ chức đảng cấp dưới tập trung vào những nội dung sau đây:

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình; pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ.

- Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ.

Chủ thể kiểm tra phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các dấu hiệu vi phạm của từng tổ chức đảng cấp dưới và yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của tổ chức mình trong từng thời gian để xác định nội dung kiểm tra cho phù hợp, có tác dụng thiết thực và đạt hiệu quả.

2- Kiểm tra đảng viên

a- Chủ thể kiểm tra:

- Chủ thể kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm gồm: chi bộ (bao gồm cả chi bộ trong đảng bộ cơ sở và chi bộ trong đảng bộ bộ phận), cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp.

b- Đối tượng kiểm tra:

- Đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý.

- Tất cả đảng viên trong đảng bộ khi có dấu hiệu vi phạm, nhưng không thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý. Cấp uỷ viên cùng cấp thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý khi có dấu hiệu vi phạm thì ủy ban kiểm tra cấp dưới báo cáo để uỷ ban kiểm tra cấp trên chủ trì và phối hợp kiểm tra.

- Cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng trước khi bổ nhiệm phải có ý kiến của các ban có liên quan của cấp uỷ cấp trên (theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp) thì khi kiểm tra do uỷ ban kiểm tra cùng cấp chủ trì, có sự chỉ đạo, phối hợp của uỷ ban kiểm tra cấp trên.

- Đảng viên giữ cương vị chủ chốt trong tổ chức đảng cấp dưới, có thể là đối tượng kiểm tra khi kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng đó.

c- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên, trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên được quy định trong Điều 1, Điều 2, Điều 12 Điều lệ Đảng. Những nội dung này liên quan mật thiết với nhau, thể hiện rõ bản chất, phẩm chất và tư cách của đảng viên. Căn cứ chức trách, nhiệm vụ được giao và tính chất, dấu hiệu vi phạm của đảng viên để xác định, quyết định nội dung cụ thể cần kiểm tra. Tập trung phát hiện và kiểm tra các dấu hiệu vi phạm trên các nội dung sau đây:

- Việc chấp hành các quy định của Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; pháp luật của Nhà nước; đặc biệt là việc tuân thủ các văn bản pháp quy trong từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể.

- Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; thực hiện nhiệm vụ cấp ủy viên, nhiệm vụ đảng viên.

- Việc chấp hành quy chế làm việc, chế độ công tác, các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Việc giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống.

- Đoàn kết thống nhất nội bộ.

- Việc thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm.

IV- Một số vấn đề cần lưu ý

1- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, nhất là kiểm tra cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ chủ chốt khi có dấu hiệu vi phạm là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp và gặp nhiều trở ngại vì: Đối tượng kiểm tra sợ bị kiểm tra, sợ ảnh hưởng đến uy tín, sợ mất thành tích, thường xuất hiện tâm lý mặc cảm, đối phó, phản ứng, thiếu cộng tác. Tổ chức đảng có liên quan thường e ngại, không muốn cộng tác trong quá trình kiểm tra. Một bộ phận uỷ ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra thiếu bản lĩnh, dũng khí, tính chiến đấu, nên có biểu hiện né tránh, nể nang, ngại va chạm.

Để khắc phục tình trạng trên phải:

Thường xuyên coi trọng việc nâng cao nhận thức cho các tổ chức đảng, nhất là cấp uỷ các cấp về vai trò, vị trí, ý nghĩa, tác dụng của việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm.

Cấp uỷ các cấp phải có nhận thức đúng và quan tâm, tạo điều kiện cho uỷ ban kiểm tra thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm.

Trong quá trình tiến hành kiểm tra phải bảo đảm dân chủ, chú trọng công tác tư tưởng cho đối tượng được kiểm tra thông qua việc cảm hoá, thuyết phục, động viên giúp đối tượng kiểm tra tránh mặc cảm, định kiến để tích cực cộng tác, chấp hành tốt yêu cầu của đoàn kiểm tra khi được kiểm tra; nêu cao ý thức tự giác của tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra trong việc chuẩn bị và báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực các nội dung kiểm tra, thấy được ưu điểm để phát huy, thiếu sót, khuyết điểm hoặc vi phạm (nếu có); tự nhận hình thức kỷ luật đúng với nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân của vi phạm; không tranh công, đỗ lỗi cho khách quan, "lộ đến đâu nhận đến đó"; tỏ rõ sự quyết tâm sửa chữa, khắc phục, phấn đấu vươn lên.

Cán bộ kiểm tra phải bình tĩnh, kiên quyết, nhạy bén, thể hiện rõ bản lĩnh, chính kiến của mình khi tiếp cận, làm việc với đối tượng kiểm tra để việc kiểm tra đạt chất lượng, hiệu quả cao nhất. Tránh hai khuynh hướng: Một là, thiếu công tâm, thiếu ý chí chiến đấu, thiếu thận trọng, khách quan, thiếu dân chủ trong quá trình giải quyết công việc. Hai là, có tác phong, lời nói, hành động hù doạ, gây khó khăn cho đối tượng kiểm tra, để tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên được kiểm tra hiểu lầm cho là kiêu ngạo kiểm tra.

2- Nội dung kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm rất rộng, thuộc nhiều lĩnh vực, phức tạp và khó khăn. Vì vậy, để kiểm tra có hiệu quả đòi hỏi phải thường xuyên theo dõi nắm tình hình, kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm qua các nguồn thông tin để quyết định và tiến hành kiểm tra; cán bộ kiểm tra phải có đủ kiến thức, am hiểu các lĩnh vực cần kiểm tra.

3- Khi kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm có thể kết hợp kiểm tra một số đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt có dấu hiệu vi phạm.

Cần và có thể kết hợp việc giải quyết tố cáo với kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm mới thì có thể bổ sung nội dung kiểm tra.

Nếu gặp phải những trường hợp phức tạp không đủ khả năng xem xét, làm rõ thì đoàn kiểm tra cần chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để làm rõ và tham khảo ý kiến đánh giá về nội dung kiểm tra.

Khi tiến hành kiểm tra phải thành lập Tổ (đoàn) kiểm tra. Khi tiếp xúc với đối tượng cần có ít nhất hai cán bộ kiểm tra tham dự để đảm bảo tính khách quan trong làm việc.

Quá trình kiểm tra phải thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục, quy trình; bảo đảm khách quan, trung thực, dân chủ, chuẩn xác.

B- GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Giải quyết tố cáo tổ chức đảng và đảng viên là một trong những nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp đã được quy định trong Điều lệ Đảng.

Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước cũng như công tác xây dựng Đảng bên cạnh những mặt thuận lợi cũng nhiều có khó khăn, thách thức, tình hình vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên và tình hình tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên diễn biến phức tạp, vì vậy công tác giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên càng quan trọng. Tình hình và nhiệm vụ trên đòi hỏi cán bộ kiểm tra phải nắm vững những nội dung cơ bản của công tác giải quyết tố cáo tổ chức đảng và đảng viên để vận dụng thực hiện tốt nhiệm vụ này.

I- Một số khái niệm

1- Tố cáo

- Theo từ điển Tiếng Việt: "Tố cáo là "báo cho mọi người hoặc cơ quan có thẩm quyền biết người hoặc hành động phạm pháp nào đó" hoặc "tố cáo là vạch trần hành động xấu xa hoặc tội ác cho mọi người biết nhằm lên án, ngăn chặn".

- Theo Luật tố cáo: "Tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật này quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức".

- Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có trách nhiệm biết về hành vi của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là vi phạm Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng và pháp luật của Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân.

Cần chú ý rằng: Trong một vụ tố cáo có 3 yếu tố: Người tố cáo là người báo, người phản ảnh, có thể là cán bộ, đảng viên hoặc nhân dân (đối tượng tố cáo). Người bị tố cáo là cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi bị tố cáo (đối tượng bị tố cáo). Nội dung tố cáo là những hành vi của người bị tố cáo mà người tố cáo cho là sai trái, vi phạm. Sai trái, vi phạm ở đây mới là ý kiến chủ quan của người tố cáo; ý kiến đó có thể đúng hoặc không đúng bản chất sự việc. Tổ chức đảng có trách nhiệm, có thẩm quyền phải qua giải quyết mới kết luận đối tượng bị tố cáo sai hay không sai.

Như vậy, tố giác (tố giác tội phạm), khiếu kiện và báo cáo, kiến nghị, phản ảnh (có nội dung cho là tổ chức đảng hoặc đảng viên có sai trái, vi phạm) là tố cáo. Trường hợp cơ quan, tổ chức cung cấp các thông tin, báo cáo cho tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm về hành vi vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên thì không phải là tố cáo.

2- Giải quyết tố cáo

- Giải quyết tố cáo là việc tiến hành kiểm tra để làm rõ đúng, sai đối với những nội dung tố cáo để kết luận và xử lý phù hợp.

- Giải quyết tố cáo trong Đảng là việc chủ thể kiểm tra tiến hành kiểm tra, làm rõ đúng, sai về những nội dung tố cáo đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên để xem xét, kết luận và xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Giải quyết tố cáo là trách nhiệm của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ; là nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên của uỷ ban kiểm tra các cấp được quy định tại Điều 32 Điều lệ Đảng và là trách nhiệm của các tổ chức đảng khác có liên quan.

II- Ý nghĩa, tác dụng của việc tố cáo và giải quyết tố cáo

- Bảo đảm quyền dân chủ của công dân đã được pháp luật qui định (Hiến pháp năm 1992 xác định tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân).

Khi tố cáo, công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật khác và các quy định của Đảng.

- Bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên đã được qui định trong Điều lệ Đảng và nguyên tắc tổ chức sinh hoạt trong nội bộ Đảng.

Theo quy định của Điều lệ Đảng, đảng viên có quyền phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

- Là một trong những nguồn thông tin để tổ chức đảng, đảng viên nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, sửa chữa, khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trong công tác.

Trong mối quan hệ với nhân dân, Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Do vậy, việc đảng viên và quần chúng phản ảnh sai lầm, khuyết điểm của tổ chức đảng và đảng viên là cung cấp nguồn thông tin cần thiết để tổ chức đảng có thẩm quyền có điều kiện xem xét, hiểu rõ hơn ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm của tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

- Thực hiện tốt việc giải quyết tố cáo là thể hiện sự tiếp thu nghiêm túc ý kiến góp ý phê bình, báo cáo, kiến nghị đúng đắn của đảng viên và quần chúng, không những giúp cho tổ chức đảng hoặc đảng viên bị tố cáo nhận rõ sai lầm, khuyết điểm (nếu có) để sửa chữa, tiến bộ; cải chính, minh oan, bảo vệ cán bộ, đảng viên trong trường hợp bị tố cáo sai, bị vu cáo; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Qua giải quyết tố cáo, các tổ chức đảng giải quyết tố cáo quyết định, chỉ đạo hoặc kiến nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục hoặc xử lý phù hợp để xây dựng tổ chức đảng vững mạnh hơn.

Kịp thời đề xuất các cấp có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định, chế độ, chính sách không còn phù hợp, ban hành mới những quy định còn thiếu để tổ chức đảng, đảng viên có căn cứ, cơ sở, điều kiện chấp hành nghiêm kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Góp phần tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng và củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, của đảng viên trong công tác xây dựng Đảng, tăng cường tính chiến đấu, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

III- Nội dung và đối tượng

Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trên khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội; phần lớn các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các tổ chức, cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội đều do đảng viên đảm nhiệm. Vì vậy, nội dung, đối tượng bị tố cáo thường khá rộng, uỷ ban kiểm tra các cấp cần phân loại tố cáo để xem xét, giải quyết đúng thẩm quyền, cụ thể như sau:

1- Nội dung

- Giải quyết những tố cáo có nội dung liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên được quy định tại Điều 1, Điều 3, Điều 12 Điều lệ Đảng; liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; đoàn kết nội bộ, phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước; chăm lo đến lợi ích chính đáng của nhân dân.

- Những tố cáo tổ chức đảng và đảng viên có nội dung liên quan đến pháp luật, kinh tế,... vẫn phải xem xét, giải quyết dưới góc độ trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên đối với các nội dung đó. Trường hợp chưa đủ điều kiện xem xét, kết luận thì báo cáo và kiến nghị cấp uỷ cho phối hợp hay yêu cầu tổ chức đảng của cơ quan nhà nước, cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết.

2- Đối tượng

Đối tượng giải quyết là tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ. Cụ thể như sau:

a- Đối với tổ chức đảng:

Các tổ chức đảng bị tố cáo đều phải được giải quyết. Tập trung giải quyết tố cáo các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp. Nếu tố cáo tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp thì chuyển tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Đối với tố cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp ủy hoặc thường trực cấp uỷ cùng cấp và cấp trên, uỷ ban kiểm tra không có thẩm quyền xem xét, giải quyết; khi nhận được tố cáo này, uỷ ban kiểm tra phải kịp thời chuyển cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

b- Đối với đảng viên:

Mọi đảng viên bị tố cáo đều là đối tượng phải giải quyết tố cáo.

Tập trung giải quyết các tố cáo cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý; người bị tố cáo có liên quan đến công tác nhân sự của cấp uỷ cấp mình.

Đối tượng bị tố cáo là cấp uỷ viên cấp mình, nhưng là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý thì uỷ ban kiểm tra cấp trên chủ trì giải quyết.

Đối tượng bị tố cáo là cấp uỷ viên cấp dưới, đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý thì uỷ ban kiểm tra cấp trên chủ trì giải quyết, có sự phối hợp của cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

Đối tượng bị tố cáo là cán bộ do cấp ủy cấp dưới quản lý nhưng khi bổ nhiệm hoặc bầu cử phải có ý kiến của các ban có liên quan của cấp uỷ cấp trên thì do uỷ ban kiểm tra cấp dưới chủ trì giải quyết, nhưng phải báo cáo để có sự chỉ đạo hoặc phối hợp của uỷ ban kiểm tra cấp trên.

Đối với tố cáo đảng viên khác thì căn cứ phân cấp quản lý cán bộ của cấp uỷ để chuyển đến cấp ủy, tổ chức đảng hoặc uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

IV- Một số vấn đề cần chú ý

1- Những trường hợp tố cáo không xem xét, giải quyết:

- Những trường hợp có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện hành của đảng viên thì báo cáo cấp uỷ và chuyển cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Những tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ; những tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại, nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc; những tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự. Trường hợp người bị tố cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng phục hồi sức khoẻ cũng không xem xét, giải quyết.

Đối với những trường hợp không xem xét, giải quyết tố cáo tổ chức đảng, đảng viên, uỷ ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải căn cứ vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương để giải thích, thuyết phục tổ chức, cá nhân hiểu rõ, thông suốt và thực hiện nghiêm túc.

2- Nắm vững nội dung tố cáo: Khi nghiên cứu tóm tắt nội dung tố cáo bằng văn bản phải trả lời được rõ ràng các câu hỏi như: tố cáo ai? về việc gì? sự việc diễn biến ở đâu? khi nào? như thế nào? theo quan điểm của người tố cáo thì đối tượng vi phạm ở mức độ nào? tính chất ra sao? động cơ tố cáo là gì?

3- Việc gặp người tố cáo: Phải chuẩn bị chu đáo để người tố cáo có cơ sở tin cậy cán bộ kiểm tra; phải cương quyết, khôn khéo trong những trường hợp đã thấy rõ được động cơ vu cáo, hãm hại người bị tố cáo. Việc gặp đối tượng bị tố cáo sau khi triển khai quyết định giải quyết tố cáo, yêu cầu người bị tố cáo giải trình: Khi gặp phải chuẩn bị chu đáo, khêu gợi, động viên để báo cáo giải trình đúng nội dung tố cáo; đồng thời chuẩn bị tài liệu cung cấp. Khi gặp người bị tố cáo không để lộ người tố cáo, việc gặp này có thể đánh động cho họ xoá bỏ dấu vết vi phạm, truy tìm người tố cáo.

4- Trong quá trình tiến hành giải quyết tố cáo:

- Phải lập tổ kiểm tra từ 2 cán bộ trở lên.

- Cán bộ kiểm tra phải động viên đối tượng bị tố cáo bình tĩnh, nghiêm túc tự kiểm tra trong quá trình giải quyết tố cáo. Đồng thời, thận trọng trước tình trạng một số cán bộ, đảng viên bị tố cáo thiếu tự giác tự phê bình, thiếu thành khẩn, còn tìm cách đối phó, phản ứng. Cán bộ kiểm tra phải tránh tâm lý e dè, nể nang; cũng không được gò ép, áp đặt, không được lợi dụng vị trí công tác, vị trí của tổ chức dẫn đến thiếu tôn trọng, thiếu tin tưởng, gây khó dễ cho đối tượng bị tố cáo.

- Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành phải phối hợp giải quyết, uỷ ban kiểm tra phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan để giải quyết.

- Tổ chức và chủ trì hội nghị là việc của tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo. Tại hội nghị, tổ kiểm tra chỉ làm rõ nội dung tố cáo đúng hay sai, không nêu ý kiến về việc có hay không thi hành kỷ luật, thi hành kỷ luật ở hình thức nào, bởi vì, về nguyên tắc, việc này không thuộc thẩm quyền tổ kiểm tra.

- Việc sắp xếp để đại diện uỷ ban kiểm tra gặp và nghe đối tượng bị tố cáo trình bày ý kiến trước khi uỷ ban kiểm tra xem xét, quyết định trong trường hợp có vi phạm đến mức có nhiều khả năng phải xử lý kỷ luật là việc bảo đảm quyền của đảng viên được quy định trong Điều lệ Đảng, do vậy, phải tiến hành đầy đủ, nghiêm túc.

5- Tổ chức đảng phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên, quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ảnh về những tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang giải quyết, chưa kết luận thì phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo.

6- Không giải quyết thư tố cáo giấu tên, mạo tên. Trường hợp thư tố cáo loại này có nội dung, địa chỉ cụ thể thì kết hợp với nguồn thông tin khác để báo cáo uỷ ban kiểm tra xem xét việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

7- Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên là nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên của uỷ ban kiểm tra các cấp đồng thời là trách nhiệm của các tổ chức đảng có liên quan. Làm tốt việc này vừa bảo đảm cho tổ chức đảng và đảng viên kịp thời sửa chữa sai lầm, khuyết điểm để tiến bộ, trưởng thành, vừa củng cố và tăng cường năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của tổ chức đảng cũng như tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

------

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011.

2- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011.

3- Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII, Điều lệ Đảng khóa XI ban hành kèm theo Quyết định số 46-QĐ/TW, ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương.

4- Luật Tố cáo (số 03/2011/QH13, ngày 11-11-2011.

5- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng - Tài liệu nghiệp vụ dùng cho cấp trên cơ sở. Nxb Tài chính 2012.

6- Quy trình tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 1084-QĐ/UBKTTW, ngày 05-12-2012 của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

7- 60 năm truyền thống ngành kiểm tra Đảng (1948 - 2008). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2008.

-----

CÂU HỎI

1- Phân tích vị trí, vai trò, tác dụng của việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm?

2- Phân tích đối tượng, nội dung kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm?

3- Liên hệ với thực tế của địa phương, đơn vị đồng chí trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm?

4- Phân tích làm rõ vị trí, vai trò, tác dụng của việc kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm?

5- Phân tích đối tượng, nội dung kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm?

6- Liên hệ thực tế việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ở địa phương, đơn vị đồng chí công tác?

7- Thế nào là tố cáo, giải quyết tố cáo? Ý nghĩa, tác dụng của việc tố cáo và giải quyết tố cáo?

8- Để làm tốt việc giải quyết tố cáo cần nắm vững những vấn đề gì?

9- Trình bày tình huống tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng tại địa phương, đơn vị đồng chí công tác?

10- Câu hỏi tham khảo: Đồng chí hãy, phân tích vì sao kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm là một nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp, thường xuyên của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp? Vì sao phải nắm vững nguyên tắc, thủ tục, quy trình khi tiến hành kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm? Đồng chí hãy liên hệ thực tế ở địa phương, đơn vị mình khi thực hiện nhiệm vụ này?

-----

Chuyên đề

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THẨM TRA, XÁC MINH

TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG

I. Một số khái niệm

*1. Thẩm tra:*  Là"điều tra, xem xét lại có đúng, có chính xác không một vấn đề, một sự việc nào đó" [[6]](#footnote-7).

Thẩm tra trong công tác kiểm tra của Đảng là hoạt động của tổ chức đảng tiến hành xem xét, tra cứu, thẩm định những thông tin, sự kiện, sự việc có liên quan đến nội dung, đối tượng kiểm tra. *Thực chất* của hoạt động thẩm tra là tiếp xúc với các đối tượng cần thiết, thu thập tư liệu, tài liệutiếp cận hồ sơ, nắm bắt thông tin, tìm kiếm những cơ sở ban đầu về những chứng cứ, nhân chứng, vật chứng ... để phục vụ cho việc xác minh, thẩm định, kết luận sau này.

*2. Xác minh:*  Là "làm cho rõ sự thật qua thực tế và chứng cứ cụ thể"[[7]](#footnote-8).

Xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng là những hoạt động diễn ra tiếp theo hoặc cùng đan xen với hoạt động thẩm tra nhằm làm rõ hơn những thông tin, sự kiện thông qua nhân chứng, vật chứng đã thu thập được ở khâu thẩm tra để đối chiếu, so sánh, sàng lọc nhằm tìm ra chứng cứ xác thực, đúng đắn; phân biệt rõ đúng sai và kết luận một cách khách quan, chính xác *về con người và sự việc kiểm tra*.

*3. Thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng*

Thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng là "quá trình thực hiện các hoạt động tìm kiếm, phát hiện, thu thập, xem xét, tra cứu, thẩm định, đánh giá và sử dụng các chứng cứ; phân tích sự liên hệ và sự phù hợp giữa các chứng cứ với nhau và với vụ việc theo phương pháp công tác đảng để tìm ra sự thật, chỉ rõ bản chất của sự việc và hành vi của đối tượng được kiểm tra để kết luận rõ đúng sai"[[8]](#footnote-9).

Thẩm tra, xác minh là hai khái niệm không đồng nhất *nhưng thường đi kèm nhau và* quan hệ biện chứng với nhau. Trong hoạt động thực tiễn *thẩm tra và xác minh thường liên kết với nhau,* *hoặc* thẩm tra trước, xác minh sau *hoặc 2 hoạt động* đan xen, bổ trợ cho nhau. Thực tiễn công tác kiểm tra của Đảng cho thấy khái niệm thẩm tra, xác minh được dùng với tư cách là một khái niệm ghép để chỉ một hoạt động có tính tổng hợp, hệ thống trong công tác kiểm tra của Đảng.

Yêu cầu cơ bản của thẩm tra, xác minh là tìm ra bản chất, làm rõ sự thật bằng chứng cứ và kiểm chứng trên cơ sở khoa học, khách quan. Trên cơ sở chứng cứ của thẩm tra, xác minh đã được thẩm định mà các tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận *và ra* quyết định đối với các nội dung, đối tượng kiểm tra. Độ chuẩn xác và hiệu quả của các kết luận, các quyết định xử lý của tổ chức đảng có thẩm quyền chủ yếu tuỳ thuộc vào kết quả và độ chuẩn xác của các chứng cứ thu thập được qua thẩm tra, xác minh.

*4. Khái niệm chứng cứ của hoạt động thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng*

Chứng cứ là "cái được dẫn ra để làm căn cứ xác định điều gì đó là có thật"[[9]](#footnote-10).

Chứng cứ trong tố tụng hình sự là những tài liệu thực tế mà các cơ quan điều tra, kiểm sát, toà án làm căn cứ theo trình tự luật định để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án. Chứng cứ được xác định bằng: Vật chứng, lời khai, kết luận giám định, biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu khác.

Chứng cứ trong hoạt động thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng là những gì có thật *và liên quan trực tiếp đến vụ việc* đã thu thập được gồm: hồ sơ, tài liệu, chứng từ, nhân chứng, vật chứng có thật được dùng làm cơ sở để xem xét, kết luận về một hành vi hay một sự việc. *Căn cứ vào chứng cứ*, cấp uỷ đảng và uỷ ban kiểm tra đánh giá, kết luận đúng, sai *hoặc* có hay không có vi phạm trong việc chấp hành, thực hiện Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước *của* tổ chức đảng và đảng viên.

Như vậy, chứng cứ là thực tế khách quan, tồn tại ngoài ý muốn của con người; mọi sự suy diễn, tưởng tượng... đều không thể là chứng cứ.

*5.* *Phân biệt thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng với thẩm tra, xác minh trong điều tra hình sự và thanh tra của Nhà nước*

*a. Giống nhau:*

+ Đều có mục đích chung là làm rõ sự thật của một sự việc, hiện tượng, vụ việc nào đó để kết luận *rõ* đúng, sai.

+ Đều được pháp luật của Nhà nước, các quy định của Đảng cho phép tiến hành các biện pháp theo chức năng, nhiệm vụ của chuyên ngành mình.

+ Kết quả *phải* có giá trị pháp lý để đi đến kết luận và xử lý.

+ Quá trình tiến hành phải bảo đảm đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tôn trọng sự thật khách quan, công minh, chính trực.

*b. Khác nhau*

*- Về nguyên tắc: Thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng phải tuân thủ Điều lệ Đảng, các nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thẩm tra, xác minh trong hoạt động điều tra hình sự phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Thẩm tra, xác minh trong công tác thanh tra nhà nước phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Luật Thanh tra.*

*- Về phương pháp: Thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng sử dụng phương pháp công tác đảng, dựa vào tinh thần tự giác của đảng viên, lấy tự phê bình và phê bình trong tổ chức Đảng là biện pháp chủ yếu; tuyệt đối không được sử dụng biện pháp nghiệp vụ hình sự, biện pháp đặc tình hoặc bí mật theo dõi. Thẩm tra, xác minh trong hoạt động điều tra hình sự sử dụng biện pháp hình sự, được áp dụng mọi biện pháp (kể cả những biện pháp đặc biệt, bí mật) để tiến hành điều tra.* *Thẩm tra, xác minh trong công tác thanh tra nhà nước mang tính hành chính, chịu sự chi phối của các nguyên tắc hành chính nhà nước.*

*- Về hoạt động thu thập thông tin: Việc thu thập thông tin trong công tác kiểm tra của Đảng phải dựa trên cơ sở vận động, thuyết phục, cảm hoá, nêu gương là chủ yếu, không được cài bẫy, ép buộc hoặc hứa hẹn vô nguyên tắc. Trong điều tra hình sự, ngoài việc giải thích, giáo dục, thuyết phục còn được áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác. Trong công tác thanh tra nhà nước về cơ bản cũng dựa trên sự động viên, khuyến khích, thuyết phục nhưng còn được sử dụng quyền lực hành chính.*

II. Vị trí, ý nghĩa, tác dụng và đặc điểm của thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng

*1- Vị trí của thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng*

*Yêu cầu của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng là xem xét khách quan, kết luận chính xác, xử lý nghiêm minh. Để đạt mục đích đó, phải tiến hành thẩm tra, xác minh để thu thập chứng cứ, chuẩn bị chứng lý sắc bén cho các kết luận kiểm tra.* Thẩm tra, xác minh là khâu quan trọng, không thể thiếu được trong toàn bộ quy trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, mọi vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên đang có những biểu hiện rất đa dạng và phức tạp; trong khi tính tự giác, tự phê bình và phê bình của các tổ chức đảng và đảng viên giảm sút. Do đó, trong công tác kiểm tra của Đảng nếu chưa thẩm tra, xác minh hoặc thẩm tra, xác minh chưa rõ ràng, chu đáo thì chưa kết thúc kiểm tra, chưa được kết luận, xử lý đối với nội dung và đối tượng kiểm tra.

*Trong thực tiễn hiện nay, các vi phạm đang có xu hướng ngày càng gia tăng với nội dung và tính chất phức tạp, thủ đoạn tinh vi, quy mô rộng cộng với* tính tự giác, trung thực, tinh thần tự phê bình và phê bình của một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút làm cho công tác kiểm tra gặp nhiều khó khăn. Tình hình đó đòi hỏi phải hết sức chú trọng công tác thẩm tra, xác minh, coi đó là khâu then chốt trong công tác kiểm tra của Đảng.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, hoạt động của cán bộ, đảng viên không chỉ giới hạn trong phạm vi nội bộ Đảng, mà liên quan và có mối liên hệ với nhiều ngành, nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội. Do vậy, việc thẩm tra, xác minh để làm rõ đúng, sai, có vi phạm hay không có vi phạm trong các hoạt động của cán bộ, đảng viên không thể *chỉ dựa trên* tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng mà đòi hỏi vận dụng sáng tạo *phương pháp, cách thức* thẩm tra, xác minh *trên cơ sở nguyên tắc và phương pháp công tác đảng*.

*2. Ý nghĩa, tác dụng của hoạt động thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng*

Chất lượng và kết quả của hoạt động thẩm tra, xác minh trực tiếp quyết định độ chính xác của các kết luận và độ xác đáng của các quyết định xử lý của tổ chức đảng có thẩm quyền đối với đối tượng kiểm tra.

Yêu cầu cơ bản đối với *công tác kiểm tra, kỷ luật đảng* là *đánh giá* khách quan, kết luận chính xác ưu điểm, khuyết điểm, nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra để có quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ quyết định xử lý đúng. *Chất lượng thẩm tra, xác minh quyết định tính chính xác của các kết luận kiểm tra, qua đó quyết định* chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra. Do vậy, ngoài việc dựa vào tổ chức đảng, phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên, phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng, kết hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra, điều tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra của các đoàn thể chính trị - xã hội, nghề nghiệp, với các ban, ngành có liên quan, uỷ ban kiểm tra các cấp còn phải hết sức coi trọng và làm tốt công tác thẩm tra, xác minh.

Thẩm tra, xác minh nhằm làm rõ đúng, sai, vi phạm hay không vi phạm của đối tượng được kiểm tra *nên có tác dụng* minh oan cho những đảng viên, tổ chức đảng bị oan sai, xử lý những tổ chức đảng và đảng viên vi phạm *nhằm* giáo dục đảng viên đồng thời cảnh báo, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng trong Đảng. Hoạt động kiểm tra nói chung, hoạt động thẩm tra, xác minh nói riêng đều nhằm góp phần làm cho nội bộ Đảng trong sạch, vững mạnh.

Để bảo đảm sự công minh, chính xác, kịp thời của công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng phải thẩm tra, xác minh thật khách quan, chuẩn xác. Thực tiễn đã chứng minh, nhiều vụ kiểm tra bỏ lọt vi phạm hoặc xử lý oan sai gây hậu quả nghiêm trọng đến sinh mệnh chính trị của cán bộ, đảng viên hoặc kết luận không chuẩn xác dẫn đến xử lý không nghiêm đều có nguyên nhân do những sai sót, lệch lạc trong khâu thẩm tra, xác minh. Thực tiễn cũng chỉ rõ tình hình tiêu cực, tham nhũng *đã và đang diễn ra* ngày càng nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thẩm tra, xác minh không tìm được chứng cứ nên không có cơ sở xem xét, quyết định xử lý nghiêm minh.

Thẩm tra, xác minh tốt không những thể hiện trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả của hoạt động kiểm tra mà còn góp phần thúc đẩy tính tự giác của đảng viên, khuyến khích quần chúng nâng cao trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, giữ vững uy tín của Đảng và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

*3. Đặc điểm của thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng*

Nội dung, đối tượng thẩm tra, xác minh tập trung vào những hành vi có liên quan đến kỷ luật đảng; *đối với* dấu hiệu vi phạm pháp luật của Nhà nước thì phối hợp với cơ quan pháp luật xem xét, xử lý hoặc chuyển cho cơ quan điều tra giải quyết và báo cáo kết quả với tổ chức đảng có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

Thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng được tiến hành theo nguyên tắc và phương pháp công tác đảng: công khai, dân chủ dựa vào tổ chức đảng, phát huy tính tự giác của tổ chức đảng và đảng viên, phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng, đối tượng kiểm tra đồng thời là chủ thể kiểm tra nên vừa có quyền, vừa có trách nhiệm tự kiểm tra.

*Trong quá trình thẩm tra, xác minh tuyệt đối không được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật như* sử dụng cơ sở bí mật, đặc tình và phương pháp nội tuyến, ngoại tuyến.

Hoạt động thẩm tra, xác minh *được* thực hiện *theo* các khâu: *lập kế hoạch thẩm tra, xác minh, tiến hành* thẩm tra, xác minh, báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh *và sử dụng kết quả thẩm tra, xác minh để kết luận và xử lý (nếu có vi phạm)* theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Đảng và *các quy định khác trong Đảng*.

III. Nội dung, đối tượng và phương pháp thẩm tra, xác minh

*1.* *Nội dung thẩm tra, xác minh*

Là những nội dung kiểm tra có vấn đề cần được xem xét, làm rõ, để có cơ sở đánh giá, xem xét, kết luận rõ đúng, sai. Nội dung thẩm tra, xác minh rất đa dạng (tùy từng nhiệm vụ kiểm tra cụ thể mà xác định nội dung thẩm tra, xác minh).

Mỗi nhiệm vụ *kiểm tra và vụ kiểm tra* có nội dung khác nhau *nên* nội dung thẩm tra, xác minh rất đa dạng, tuỳ thuộc vào nội dung kiểm tra. Nội dung kiểm tra rất rộng, ở nhiều lĩnh vực *khác nhau và* liên quan đến nhiều người, nhiều cấp, nhiều ngành *trong xã hội*. Do vậy, việc xác định nội dung thẩm tra, xác minh cần tập trung vào những *nội dung trọng tâm, trọng điểm để tránh lan man, không xác định đúng bản chất của vấn đề*. *Việc xác định* nội dung thẩm tra, xác minh *chuẩn xác là điều kiện* *bảo đảm* chất lượng, hiệu quả *của quá trình* thẩm tra, xác minh.

*2.* *Đối tượng thẩm tra, xác minh*

Đối tượng thẩm tra, xác minh là những thông tin, tư liệu, sự việc, hiện vật và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến đối tượng và nội dung cần kiểm tra.

Thẩm tra, xác minh không phải là một khâu, một công đoạn độc lập, khép kín, chỉ tiến hành một lần với nội dung và đối tượng không thay đổi mà có thể tiến hành nhiều lần, ở nhiều thời điểm khác nhau với những nội dung, đối tượng khác nhau tuỳ thuộc sự việc, tình tiết mới nảy sinh. Xác định đúng nội dung, đối tượng thẩm tra, xác minh, nhất là nội dung, đối tượng chủ yếu là rất quan trọng vì đó là những "nút" cần tập trung để "mở" nhằm nhanh chóng làm rõ sự thật. Thông qua những tài liệu đã có, những thông tin đã thu thập được và bằng sự tinh tế, nhạy cảm, cán bộ kiểm tra xác định tính chất của sự việc, phát hiện những điểm mâu thuẫn, bất hợp lý, những điều chưa rõ ràng, những dấu hiệu của sự bưng bít, che dấu hoặc bị khống chế, truy bức, người khởi xướng hoặc bị lôi kéo... để xác định nội dung, đối tượng cần thẩm tra, xác minh.

*3.* *Phương pháp tiến hành thẩm tra, xác minh*

*a. Xây dựng kế hoạch*

Là bước có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm:

- Xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp thẩm tra, xác minh, thời gian, tổ chức lực lượng tiến hành thẩm tra, xác minh.

- *Dự kiến thời gian, phân công nhiệm vụ cho các thành viên.*

- Xác định đối tượng thẩm tra, xác minh: những thông tin, chứng cứ cần thu thập và những tổ chức, cá nhân cần tiếp xúc.

- Dự kiến những tình huống có thể phát sinh và cách giải quyết.

*Yêu cầu kế hoạch thẩm tra, xác minh phải bảo đảm tính khoa học (xây dựng trình tự tiến hành hợp lý để việc thực hiện đạt hiệu quả cao) và tính tỷ mỷ, chính xác để tránh những sai sót, những sơ hở không đáng có.*

*b. Tiến hành thẩm tra, xác minh.*

*Thực chất của quá trình tiến hành thẩm tra, xác minh là quá trình thu thập thông tin, bằng chứng và xử lý những thông tin, bằng chứng đó để khẳng định chứng cứ làm cơ sở cho các kết luận kiểm tra.*

- Thu thập bằng chứng:

+ "Bằng chứng" theo Từ điển Tiếng Việt được hiểu là " Vật hoặc việc dùng làm bằng để chứng tỏ sự việc là có thật". Như vậy, bằng chứng trong thẩm tra, xác minh khi tiến hành công tác kiểm tra *là những* hiện vật, tài liệu, địa điểm, thời gian, *người làm chứng*... tồn tại khách quan *và* liên quan đến sự việc, *là* căn cứ để chứng tỏ sự việc là có thật. Bằng chứng thường là những hiện vật, tài liệu có liên quan đến sự việc (đất đã chiếm dụng, nhà xây trái phép, tiền hoặc tài sản dùng làm quà tặng, biếu dưới dạng hối lộ đã được trao nhận, tài liệu, sổ sách, chứng từ, hoá đơn, băng ghi âm, ghi hình, các phương tiện mang tin khác...) được thu thập, khai thác từ nhiều nguồn thông tin khác nhau (từ hồ sơ, tài liệu, từ các tổ chức hoặc cá nhân gây ra sự việc, các tổ chức hoặc cá nhân có liên quan hoặc biết rõ sự việc…).

+ Cách thu thập bằng chứng:

Cách thu thập bằng chứng trước hết là nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu đã có, đánh giá tính khách quan, liên quan, hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu đã có (tài liệu đã có là bản chính hay bản sao, tài liệu gốc, xác thực hay đã được hợp thức hoá hoặc giả mạo; thẩm quyền của tổ chức hoặc cá nhân đã ký các tài liệu ấy có phù hợp với quy định không v.v...). Trên cơ sở đó, thu thập những tài liệu gốc, những bản chính, những tài liệu có giá trị chứng cứ và những tài liệu còn thiếu.

Tiếp xúc với các tổ chức đảng hoặc cá nhân đảng viên gây ra sự việc, yêu cầu họ cung cấp những thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung kiểm tra, kể cả những chứng cứ chứng minh việc làm đúng của mình, bác bỏ những nội dung tố cáo không đúng, những kết luận không đúng hoặc để chứng minh cho việc xử lý là oan, sai. Khi cần, gặp những tổ chức, *cá nhân* có liên quan đến sự việc hoặc hiểu rõ sự việc để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ giúp cho việc nhận xét, đánh giá, kết luận được khách quan, chính xác.

Việc tiếp xúc với những đối tượng trên, cần tiến hành với từng đối tượng; không nhất thiết phải theo một trật tự cứng nhắc hoặc phải chờ thu thập đầy đủ hồ sơ, tài liệu rồi mới tiếp xúc. Qua tiếp xúc với các đối tượng này, có thể phát hiện những nội dung, những tình tiết mới nảy sinh cần làm sáng tỏ khi tiếp xúc với đối tượng khác. Có thể tiếp xúc với mỗi đối tượng một lần hoặc một số lần, nhưng cố gắng tiếp xúc một lần mà thu thập được các thông tin, tài liệu, bằng chứng cần thiết để tránh gây phiền hà cho đối tượng và gây khó khăn cho việc đi lại của cán bộ kiểm tra. Tiếp xúc với các tổ chức đảng có liên quan (chi bộ, chi uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn,...) để yêu cầu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong tổ chức đảng một cách nghiêm túc; yêu cầu tổ chức đảng lãnh đạo, đôn đốc, nhắc nhở đối tượng được kiểm tra tự giác cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự giác trong phê bình; phối hợp tiến hành thẩm tra, xác minh.

Trong thực tế, có thể gặp cấp uỷ, tổ chức đảng trong quá trình thẩm tra, xác minh hoặc sau phân tích những vấn đề đã được thẩm tra, xác minh để cấp uỷ, tổ chức đảng cung cấp tình hình, tài liệu, chứng cứ hoặc thống nhất nội dung, diễn biến, tình tiết của sự việc. Trường hợp giữa cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ kiểm tra có vấn đề chưa thống nhất thì yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng cung cấp thêm tài liệu, bằng chứng để cùng trao đổi, thảo luận. Nếu vẫn còn ý kiến chưa thống nhất, cán bộ kiểm tra phải báo cáo trung thực, đầy đủ để uỷ ban kiểm tra xem xét, kết luận.

Trước khi tiếp xúc với từng đối tượng, phải chuẩn bị kế hoạch chu đáo, xác định rõ những vấn đề cần đi sâu khai thác, dự kiến những tình huống có thể phát sinh và cách giải quyết. Quá trình tiếp xúc với các đối tượng phải giữ vững nguyên tắc và phương pháp công tác đảng, *chú trọng các biện pháp vận động, thuyết phục* để động viên trách nhiệm, nghĩa vụ, tinh thần tự giác của đối tượng. *Bản thân cán bộ kiểm tra cần có phẩm chất kiểm tốn, có khả năng tự chủ để luôn giữ thế chủ động và đặc biệt là* không bị chi phối bởi quyền uy, thế lực hoặc sức cám dỗ của vật chất. *Cán bộ kiểm tra cần có khả năng* lập luận sắc bén, bình tĩnh, khôn khéo nhưng kiên quyết, đúng nguyên tắc, thấu tình, đạt lý, nêu đúng vấn đề để giáo dục, thuyết phục, nhất là khi đối tượng không tự giác, có thái độ cực đoan, động cơ không lành mạnh. *Cán bộ kiểm tra t*uyệt đối không đe doạ, cưỡng ép, cài bẫy, hứa hẹn vô nguyên tắc hoặc dùng thủ đoạn đối phó khi tiến hành thẩm tra, xác minh và cũng không sử dụng các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật (như tạm giữ, tạm giam, cưỡng chế, bí mật theo dõi...) để thay phương pháp thẩm tra, xác minh của Đảng. Khi cần thiết có thể phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật để làm rõ sự thật về con ngưòi và sự việc kiểm tra. Ngoài ra, có thể cần sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại (như ghi âm, ghi hình, vi tính) để nâng cao hiệu quả, chất lượng của thẩm tra, xác minh. Các thông tin được cung cấp bằng lời, phải được ghi lại thành văn bản và có chữ ký xác nhận của người đã cung cấp.

Ngoài những tài liệu, bằng chứng nêu trên, cần chú ý thu thập những nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và Nhà nước có liên quan đến vấn đề thẩm tra, xác minh, vì đó là một trong những căn cứ quan trọng để kết luận đúng, sai đối với tổ chức đảng và đảng viên. Nghị quyết, chỉ thị, quy định về một nội dung nào đó có thể được bổ sung, sửa đổi nhiều lần, bằng nhiều văn bản khác nhau, thậm chí có trường hợp văn bản này phủ định văn bản khác. Vì vậy, phải thu thập đủ để có điều kiện đối chiếu, phân tích, đánh giá.

Khi thu thập tài liệu chứng cứ, cán bộ kiểm tra phải trực tiếp gặp đối tượng, trực tiếp đọc những thông tin, tài liệu, trực tiếp nhìn thấy các vật chứng, nếu cần thì trực tiếp đến tận nơi xảy ra sự việc để thẩm tra, xác minh. Không được chỉ nghe qua người khác, nghe dư luận, có nhiều người biết sự việc nhưng chỉ nghe một vài người hoặc chỉ coi trọng những gì đã được nghe, được đọc, nhìn lần đầu mà coi nhẹ những gì được thu thập về sau. Mọi thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được ban đầu, dù phong phú, có độ tin cậy cao, nhưng thường là ở một phía, một kênh, một chiều. Muốn đánh giá đúng sự thật, phải thu thập được bằng chứng xác thực qua các tài liệu, thông tin từ nhiều phía, nhiều kênh, nhiều chiều có liên quan đến sự việc cần làm rõ.

- Nghiên cứu, phân tích, xử lý tài liệu, thông tin, bằng chứng đã thu thập được:

*Các* thông tin, chứng cứ *đã thu thập phải được* nghiên cứu, phân tích, xử lý một cách khách quan, chính xác làm cơ sở tin cậy để kết luận và xử lý đúng.

Việc nghiên cứu, phân tích, xử lý tài liệu, thông tin, bằng chứng là quá trình liên tục từ khi bắt đầu đến khi kết thúc việc làm rõ sự thật, không chia tách, cắt khúc hoặc phân đoạn một cách máy móc. Khi đọc một tài liệu, tiếp nhận một thông tin, tiếp xúc một đối tượng, tham dự một cuộc họp... cán bộ kiểm tra phải nhạy cảm, suy nghĩ, phân tích, đánh giá thực chất của sự việc, hiện tượng, tình tiết, phát hiện kịp thời những mâu thuẫn, những vấn đề không hợp lý, chưa rõ hoặc có dấu hiệu đang tiềm ẩn đằng sau đó một sự thật để vừa tiếp tục thu thập tài liệu, thông tin, bằng chứng khác, vừa thuyết phục, gợi ý đấu tranh, cung cấp bằng chứng để đối tượng được kiểm tra từng bước tự nhận ra sự thật hoặc gần với sự thật hơn.

*Những thông tin, bằng chứng đã thu thập phải được* nghiên cứu, phân tích, đánh giá lại tính khách quan, xác thực, hợp pháp, hợp lý của chúng. Trên cơ sở đó, bằng phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu, quy nạp, với quan điểm lịch sử, cụ thể và bằng kiến thức, kinh nghiệm sống, sự tinh tế, nhạy cảm của mình, cán bộ kiểm tra phải lật đi, lật lại vấn đề, đặt các giả thuyết và sử dụng tài liệu, thông tin, bằng chứng đã thu thập được để chứng minh khẳng định hoặc bác bỏ giả thuyết, loại dần các giả thiết không hợp lý để cuối cùng có một kết luận đúng với sự thật. Đây là khâu quan trọng nhất, khó khăn nhất, đòi hỏi cán bộ kiểm tra phải có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong tỉ mỷ, cụ thể, phương pháp khoa học và *những* kiến thức cần thiết.

- Trưng cầu ý kiến giám định của các cơ quan nghiệp vụ đối với những vấn đề cần thiết:

Khi thẩm tra, xác minh, có nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật; trong đó có những nội dung cán bộ hoặc cơ quan kiểm tra không thể tự mình làm sáng tỏ được nên khi cần thiết phải trưng cầu ý kiến giám định của cơ quan nghiệp vụ, chuyên môn có thẩm quyền. Ví dụ cơ quan y tế giám định trạng thái tâm thần của một người; cơ quan công an giám định chữ viết, chữ ký, con dấu; cơ quan công chứng Nhà nước thẩm định giấy tờ, văn bản; cơ quan tư tưởng, văn hoá, thông tin thẩm định một bài báo, một tác phẩm có liên quan đến công tác kiểm tra v.v... Các văn bản giám định phải được cấp có thẩm quyền ký và đóng dấu.

*c. Thống nhất nội dung báo cáo thẩm tra, xác minh trình cấp có thẩm quyền kết luận*

- Khi cần thiết thì trao đổi với đối tượng kiểm tra và tổ chức đảng có liên quan về dự kiến báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, nhất là những nội dung liên quan trực tiếp đến đối tượng kiểm tra nhằm mục đích làm rõ tính khách quan qua tài liệu thẩm tra, xác minh. Ghi rõ ý kiến đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác của đối tượng được kiểm tra và tổ chức có liên quan.

- Viết báo cáo thẩm tra, xác minh.

Trên cơ sở những tài liệu, thông tin, bằng chứng đã thu thập được, qua giám định của cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có), qua trao đổi với các tổ chức có liên quan, qua phân tích, đánh giá, nếu thấy đủ cơ sở kết luận thì viết báo cáo thẩm tra, xác minh.

Nội dung báo cáo cần nêu rõ:

+ Những vấn đề cần thẩm tra, xác minh (như nội dung tố cáo, nội dung khiếu nại, nội dung kiểm tra,...).

+ Kết quả thẩm tra, xác minh từng nội dung. Đối với những nội dung quan trọng, phức tạp, cần nêu rõ nội dung, tính chất, diễn biến, tình tiết của sự việc, thời gian, không gian diễn ra sự việc; họ tên, địa chỉ những đối tượng có liên quan.

+ Nhận xét và đề nghị. Cần khẳng định sự việc có hay không có, đúng hay sai, khuyết điểm hay vi phạm; nếu vi phạm thì nêu rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm của từng cá nhân và từng tổ chức; ý kiến đề nghị giải quyết.

Báo cáo do cán bộ được phân công thẩm tra, xác minh viết và chịu trách nhiệm trước uỷ ban kiểm tra cấp mình. Trường hợp cán bộ do vụ, phòng hoặc tổ phân công thẩm tra, xác minh thì trước khi báo cáo với uỷ ban, phải thông qua vụ, phòng hoặc tổ và vụ trưởng, trưởng phòng hoặc tổ trưởng phải cùng chịu trách nhiệm trước uỷ ban về nội dung báo cáo.

IV. Những vấn đề cần lưu ý và cần nắm vững

*1. Những vấn đề cần lưu ý khi tiến hành thẩm tra, xác minh*

Để công tác thẩm tra, xác minh đạt chất lượng, hiệu quả, ngoài những phương pháp đã nêu, cán bộ kiểm tra cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Thông tin trong thẩm tra, xác minh khi tiến hành công tác kiểm tra là những tin tức có ích, làm sâu thêm nhận thức của người nhận tin, được người nhận tin đánh giá, xử lý và được coi là có ích trong quá trình ra quyết định. Đối với công tác kiểm tra của Đảng thì "thông tin" chính là những tin tức có ích về đối tượng kiểm tra cần được thu thập, xử lý để làm rõ bản chất của sự việc, của đối tượng; thông qua những thông tin đó, có thể có căn cứ để kết luận đúng sai, tốt xấu, thậm chí lượng hoá tính chất, mức độ đúng sai mà lựa chọn và đề xuất giải pháp giải quyết, hình thức xử lý phù hợp.

Để thẩm tra, xác minh, cán bộ kiểm tra có thể thu thập thông tin từ *nhiều* nguồn: cấp trực tiếp quản lý giao nhiệm vụ, văn bản của Đảng và Nhà nước *về* những vấn đề liên quan đến việc đối tượng kiểm tra thực hiện, dư luận của quần chúng, cơ quan có liên quan hoặc các cơ quan ngôn luận phản ánh dư luận từ nội bộ, từ bên ngoài hoặc từ những người tố cáo, khiếu nại, từ chính bản thân đối tượng kiểm tra cung cấp, giải trình. *Khi thẩm tra, xác minh cán bộ kiểm tra* không xem nhẹ hoặc bỏ qua bất cứ một nguồn nào để từ đó chọn lựa định hướng đúng khi thu thập và xử lý thông tin.

Trong quá trình thu thập và xử lý thông tin, *mọi hoạt động của cán bộ kiểm tra (*cả khi hoạt động đơn lẻ, độc lập cũng như khi hoạt động theo đoàn kiểm tra) *đều liên quan và có ảnh hưởng trực tiếp đến diễn biến và kết quả thu thập thông tin*. Do vậy, thu thập và xử lý thông tin là công việc thường xuyên và rất quan trọng trong các hoạt động nghiệp vụ kiểm tra.

- Tiếp cận đối tượng: *Đối tượng* của hoạt động thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng là những tổ chức đảng, đảng viên thuộc nhiều lĩnh vực và địa vị xã hội khác nhau. *Mỗi loại đối tượng có đặc điểm về trình độ, khả năng nhận thức, tâm tư nguyện vọng… khác nhau*. Cán bộ thẩm tra, xác minh *phải tìm hiểu đặc điểm riêng của từng đối tượng để có* phương pháp tiếp cận thích hợp *mới có thể* hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. *Phương hướng chung để tiếp cận* *đối tượng* là kết hợp vận dụng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước với tâm lý học để thuyết phục đối tượng bảo đảm cho mỗi kết luận kiểm tra được tổ chức đảng và mọi đảng viên thừa nhận khách quan, có lý, có tình và thực hiện nghiêm túc.

Hoạt động thẩm tra, xác minh là quá trình tìm kiếm, phát hiện, thu thập bằng chứng. Để thu thập được bằng chứng, cán bộ kiểm tra cần gặp, làm việc với các đối tượng liên quan đến vụ việc như: người tố cáo, người bị tố cáo, người khiếu nại, tổ chức có thẩm quyền xử lý kỷ luật bị khiếu nại, tổ chức đảng, đảng viên bị kiểm tra; cá nhân và tổ chức biết sự việc hoặc có liên quan đến sự việc đang được tiến hành thẩm tra, xác minh,... Đó là những người có địa vị, mối quan hệ xã hội, trình độ, năng lực, kiến thức, lợi ích, tâm tư, tình cảm, lứa tuổi, giới tính, cá tính rất khác nhau. Để cuộc tiếp xúc đạt kết quả, người cán bộ kiểm tra phải tuân thủ nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, phương pháp công tác đảng, *nắm những kiến thức cơ bản về* pháp luật, Tâm lý học, khoa học điều tra *và vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong quá trình thẩm tra, xác minh.*

- Đối thoại, đối chất, khai thác thông tin từ những người biết sự việc.

Người làm chứng là người biết được những tình tiết của vụ việc đang tiến hành thẩm tra, xác minh được tổ chức đảng có thẩm quyền gặp để hỏi về những hiểu biết của họ theo trình tự, thủ tục đã được quy định.

Đối chất là một hoạt động trong quá trình thẩm tra, xác minh của cơ quan kiểm tra, được tiến hành bằng cách hỏi hai người cùng một lúc về cùng một vấn đề trong nội dung thẩm tra, xác minh một vụ việc, nhằm làm rõ hoặc giải quyết những mâu thuẫn tồn tại trong lời trình bày của họ. Trong thực tiễn có hai loại hình đối chất:

+ Đối chất do cán bộ kiểm tra tổ chức.

Khi không còn cách thẩm tra, xác minh nào tốt hơn thì mới chọn phương pháp đối chất. Khi tổ chức đối chất cần chú ý những vấn đề sau:

Khi các lời trình bày đã cơ bản thống nhất chỉ còn mâu thuẫn về một hoặc một số tình tiết có ý nghĩa quyết định đối với thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý vụ việc *thì chỉ đối chất những nội dung đó*, không đối chất những vấn đề không liên quan thiết thực hoặc những chi tiết vụn vặt không có ý nghĩa quan trọng đối với vụ việc.

Để cuộc đối chất đạt kết quả, cán bộ kiểm tra cần xây dựng kế hoạch, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ việc, các thông tin, tài liệu có liên quan, phát hiện những vấn đề còn mâu thuẫn, xem xét kỹ lại một lần cuối xem những vấn đề có thật sự mâu thuẫn không; phân tích các mâu thuẫn, để xác định mâu thuẫn nào cần giải quyết bằng đối chất.

Khi đủ điều kiện và khả năng tổ chức đối chất thì cần xác định rõ những người có thể đưa ra đối chất và tìm hiểu tâm lý, quan hệ xã hội, hoàn cảnh gia đình của họ, tìm hiểu nguyên nhân của những mâu thuẫn trong lời trình bày của họ. Trong kế hoạch đối chất cần xác định mục đích, yêu cầu, phương pháp tiến hành, thứ tự và nội dung các sự việc cần đối chất, dự kiến các câu hỏi và câu trả lời, chuẩn bị các phương tiện, tài liệu, chứng cứ sẽ sử dụng trong cuộc đối chất, thời gian và địa điểm tiến hành. Trong quá trình đối chất cán bộ kiểm tra phải biết khơi dậy ở đối tượng ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác, thái độ đúng đắn, trung thực của người đảng viên và có cách ứng xử linh hoạt, phù hợp với các tình huống xảy ra.

+ Đối chất trong sinh hoạt của tổ chức đảng:

Trong quá trình giải quyết tố cáo, khiếu nại, kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, việc thực hiện tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt của tổ chức đảng là cơ hội để giải quyết những ý kiến còn khác nhau về một sự việc giữa người bị tố cáo, người tố cáo và đảng viên biết vụ việc, đảng viên có liên quan, đảng viên trong tổ chức đảng.

Phương pháp hỏi người làm chứng, đối chất phải tiến hành công khai, dân chủ theo nguyên tắc của Đảng, không dùng các thủ thuật hoặc biện pháp nghiệp vụ bí mật của cơ quan điều tra. Để cuộc đối chất đạt kết quả, cán bộ kiểm tra cần chủ động phối hợp với người chủ trì làm tốt công tác tư tưởng, nêu cao tính đảng, thực hiện tốt việc tự phê bình và phê bình với thái độ chân thành trong nội bộ tổ chức đảng cũng như chuẩn bị tốt chương trình, nội dung, những vấn đề cần gợi ý, cách tiến hành cuộc đối chất.

*2. Những vấn đề cần nắm vững khi tiến hành thẩm tra, xác minh*

- Thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng là công tác đảng, là một trong những khâu quan trọng và khó khăn nhất của công tác kiểm tra. *Để thẩm tra, xác minh tốt* đòi hỏi cán bộ kiểm tra phải có nghiệp vụ cao, bản lĩnh vững vàng, trung thực, khách quan, tôn trọng sự thật, nắm vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nắm vững phương pháp công tác đảng, *tránh định kiến cá nhân và các tư tưởng hữu khuynh khác.*

- Thẩm tra, xác minh để làm rõ sự thật thông qua các tài liệu, thông tin, bằng chứng, tự phê bình và phê bình, tự kiểm điểm, lời khai, lời tố cáo, quần chúng phát hiện v.v... trong đó, bằng chứng xác thực là quan trọng nhất. Phải đặc biệt coi trọng bằng chứng, tìm cho được bằng chứng, kể cả bằng chứng vi phạm và bằng chứng không vi phạm. Không có bằng chứng xác thực thì không thể kết luận được.

- Để thu thập bằng chứng từ các tổ chức và các nhân có liên quan, cán bộ kiểm tra cần làm tốt việc thiết lập quan hệ giao tiếp để tạo không khí *cởi mở*, hiểu biết, tin cậy lẫn nhau. Muốn vậy, cán bộ kiểm tra cần tìm hiểu đặc điểm của đối tượng tiếp xúc, lưu ý quá trình công tác, vị trí và mối quan hệ xã hội, hoàn cảnh gia đình, môi trường công tác và cả tính cách của đối tượng để lựa chọn cách ứng xử phù hợp. Điều đáng lưu ý là đối tượng *kiểm tra* có thể có vị trí và mối quan hệ xã hội rộng, sự từng trải, có kinh nghiệm sống, bằng cấp cao.... nhưng khi có thư tố cáo hoặc có dấu hiệu vi phạm và đối mặt với chủ thể kiểm tra thường có tâm lý "có tật giật mình" hoặc mặc cảm. Cán bộ kiểm tra chủ động tiếp cận, ứng xử phù hợp, giữ vững nguyên tắc nhưng khiêm tốn, chân thành và nghiêm túc.

Cán bộ kiểm tra phải nhận thức rõ vị thế *và trách nhiệm* của mình là người đại diện cho tổ chức có thẩm quyền thực hiện chức trách, quyền hạn được giao. *Để thực hiện tốt nhiệm vụ*, cán bộ kiểm tra phải thường xuyên nâng cao kiến thức, năng lực, tích luỹ kinh nghiệm, tự hoàn thiện mình về phẩm chất, bản lĩnh và phong cách. Thái độ của cán bộ kiểm tra phải tôn trọng, đúng mực, lịch sự, văn minh, tế nhị, thông cảm với đối tượng; chăm chú lắng nghe khi đối tượng trình bày, biết tự chủ, kiềm chế, khéo léo điều chỉnh khi họ đi lạc đề. Phải biết cách *gợi mở vấn đề* để thu thập bằng chứng; có cách ứng xử phù hợp với các tình huống xảy ra trong quá trình làm việc, tránh lấy lòng đối tượng bằng những lời hứa hẹn vô nguyên tắc. Ngoài ra, cán cán bộ kiểm tra còn phải rèn luyện kỹ năng nghe, ghi để phản ánh trung thực buổi làm việc. Sau mỗi cuộc làm việc phải rút kinh nghiệm để điều chỉnh *cách làm việc hoặc* hoàn thiện mình.

- Trước khi tiếp xúc cần chuẩn bị các câu hỏi đặt ra với đối tượng; câu hỏi phải rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu, có cơ sở và có liên quan đến vấn đề cần xác minh. Trong câu hỏi tránh bao hàm câu trả lời, tránh lộ ý định, tránh làm đối tượng lo ngại. Câu hỏi phải theo trình tự *hợp lý* và bảo đảm sự liên hệ giữa câu hỏi trước với câu hỏi sau. Trong quá trình làm việc có thể xuất hiện những tình tiết mới phải đặt thêm câu hỏi để làm rõ.

*Có nhiều loại câu hỏi*: câu hỏi để làm rõ tình tiết sự việc, câu hỏi bổ sung ý kiến đã trình bày, câu hỏi khẳng định độ chính xác của lời trình bày, câu hỏi gợi nhớ lại và câu hỏi kiểm tra, câu hỏi nhằm phát hiện mâu thuẫn, câu hỏi vạch rõ sự trình bày không thành thật, thiếu tự giác. Chú ý tránh cách hỏi dồn dập, hỏi vặn, không vội đồng tình hay phủ nhận và đưa những câu hỏi ít đụng chạm đến quyền lợi trước rồi chuyển dần sang những câu hỏi đụng chạm nhiều đến quyền lợi.

- Chọn địa điểm và thời gian thích hợp *cũng là điều kiện cần thiết để* thiết lập quan hệ giao tiếp.

- Giữ bí mật, bảo vệ người cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng và giữ bí mật các tài liệu thẩm tra, xác minh thu thập được trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

\*

Công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra là công tác đảng, có đặc thù riêng là tiến hành kiểm tra, kết luận, xử lý hoặc giúp cấp uỷ xử lý kỷ luật những trường hợp có vi phạm đến mức phải xử lý. Đặc thù này không chỉ khác với các ban của cấp uỷ mà còn khác với các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước (điều tra, truy tố, xét xử đều do từng cơ quan độc lập tiến hành). Vì vậy, cần đặc biệt coi trọng và làm tốt công tác thẩm tra, xác minh *để bảo đảm kết quả kiểm* *tra, kỷ luật khách quan,* công minh, chính xác, kịp thời./.

Câu hỏi: 1- Vì sao khẳng định thẩm tra, xác minh một trong những phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Những thuận lợi, khó khăn và những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này, liên hệ với thực tiễn ở địa phương đồng chí ?

2- Đồng chí hãy nêu đặc điểm của thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng ?

3- Đồng chí hãy nêuý nghĩa và tác dụng của hoạt động thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng ?

1. Hồ Chí Minh, về xây dựng Đảng, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr. 36. [↑](#footnote-ref-2)
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 140. [↑](#footnote-ref-3)
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, Hà Nội 2006, tr. 301. [↑](#footnote-ref-4)
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG-ST, Hà Nội, 2011, tr. 254. [↑](#footnote-ref-5)
5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG-ST, Hà Nội, 2011, tr. 258. [↑](#footnote-ref-6)
6. Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2000, trang 922. [↑](#footnote-ref-7)
7. Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng năm 2000; trang 1140. [↑](#footnote-ref-8)
8. Theo báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài "Cơ sở lý luận, thực tiễn để đổi mới và nâng cao hiệu quả thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra của Đảng" - Ủy ban kiểm tra Trung ương. [↑](#footnote-ref-9)
9. Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2000, trang 192*.* [↑](#footnote-ref-10)